





TRAI  
ĐANG  
TRƯỜNG  
SINH

*doãn quốc sỹ* | TRÁI ĐẰNG TRƯỜNG SINH  
*tập truyện*



**sáng tạo**

XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT TẠI VIỆT NAM NĂM 1971

TÁI BẢN TẠI HẢI NGOẠI NĂM 2017

NHẬP LIỆU doãn liên

ngudihi TRÌNH BÀY

WEBSITE: [doanquocsy.com](http://doanquocsy.com)

**GIA ĐÌNH TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN**

**ALL RIGHTS RESERVED**

*doãn quốc sỹ*

TRÁI  
ĐẢNG  
TRƯỜNG  
SINH  
*tập truyện*





# MỤC LỤC

## *Phần Một* LỐI MÒN

- THAY LỜI TỰA - NGĂN CÁCH *trang 3*
- TRUYỆN CHIẾC ÁO DÀI  
CỦA BÀ MẸ VIỆT NAM *trang 5*
- ÁNH TRĂNG THÁNG TÁM *trang 33*
- MẶT TRỐNG CỦA VỎ KỊCH ĐỜI *trang 41*

## *Phần Hai* ĐỈNH CAO VỰC SÂU

- INTERLUDE I - GIÀN NHO *trang 51*
- CHIÊU HỒI *trang 53*
- GIÁC MỘNG SÂU *trang 61*

## *Phần Ba* MẶT NẠ

- INTERLUDE II - NGƯỜI BAY *trang 81*
- CHIẾC BÌNH *trang 85*
- PHỤC HỒI *trang 95*
- THAY LỜI BẠT *trang 107*





*Phần Một*  
LỜI MỞ ĐẦU



*Thay Lời Tựa*  
NGĂN CÁCH

*Tôi đi trên con đường đất  
Con đường vụn nát, lác lối, trườn lên  
Như những con rắn nhỏ giữa cánh đồng dềnh nước  
Con đường vụn nát, con đường vụn nát  
Phút chốc tựa thấy xa cách muôn trùng  
Dưới chân không còn con đường  
Mà chỉ còn từng đót đường  
Như từng khúc rắn ngoi lên giữa đồng nước mênh mông  
Tôi phải bay mình lên cao  
Bỏ lại dưới chân những khúc đường vụn nát.*



TRUYỆN  
CHIẾC ÁO DÀI  
CỦA BÀ MẸ  
VIỆT NAM



## HỒI MỘT

### TRẬN THỦY CHIẾN CHIẾC ÁO CHÓT VÓT TRÊN ĐỈNH SÓNG TRÙNG DUONG

Một đàn cá mập đông vô kể đã xâm nhập hải phận Việt Nam rồi tự ý chiếm cứ nhiều năm ròng. Và cũng suốt thời gian chiếm đóng đó, đội thủy binh của hải phận Việt Nam, gọi là đội thủy binh Nam Hải, gồm đủ mặt cá voi, cá thu, cá đuối, cá song, cá trích, hải tru... luôn luôn khuấy động không để lũ cá mập một phút nào ngơi. Sau cùng nhờ sự phù trì của chư vị sơn thần, hải thần, đoàn thủy binh đã gần như quét sạch được lũ cá mập ra khỏi hải phận. Nhưng ai nấy chưa kịp ăn mừng thì lũ cá mập bỗng ùn ùn kéo lại hung hãn không kể sao cho xiết được, tựa như chúng biết rằng nếu lần này không tái chiếm hải phận Việt Nam thì muôn vạn kiếp về sau đừng hòng tái chiếm được nữa. Các thần nhân cũng linh cảm thấy cuộc sống mái cuối cùng này sẽ muôn phần khốc liệt. Sơn Tinh bèn đặt thiệp mời Thủy Tinh tới đỉnh Tản Viên họp

gặp. Tuy hai vị thần nhân này xưa kia có mối hiềm khích hôn nhân về công chúa Mỹ Nương, nhưng với thời gian nổi thất tình của Thủy Tinh cũng nguôi nguôi dần. Và từ khi người dân Việt biết đào sông dẫn thủy nhập điền và đắp đê ngăn nước lũ, thì Thủy Tinh càng cảm thấy việc hàng năm dâng nước báo thù Sơn Tinh làm hại lây dân chúng là một việc lỗi thời. Chẳng bao lâu hai vị trở lại giao thiệp lịch sự với nhau như cũ. “Chăn voi ăn mày voi,” các vị bảo với nhau vậy, “Trông nom phù trì non sông Việt Nam để ăn lộc Việt Nam.”

Trở lại chuyện Sơn Tinh thấy đoàn cá mập quyết sống mái một lần cuối cùng với đoàn thủy binh tại hải phận Việt Nam, bèn lập tức đặt thiệp mời Thủy Tinh tới sơn thất tại đỉnh Tản Viên để cùng bàn kế hoạch âm phù dương trợ trong việc bài binh bố trận. Hai vị bàn với nhau khá lâu, đồng ý về mọi điểm. Trong khi đó ngoài khơi Nam Hải, sóng đã cuộn cuộn nổi lên chập chùng nối liền với đại dương. Đoàn cá mập cơ nào đội ấy, con nào con nấy, máu hùng hổ dồn lên mặt đỏ bừng bừng, chúng chỉ còn chờ hiệu lệnh là lặn xả vào để ăn tươi nuốt sống đối phương. Đối diện với đoàn cá mập, đoàn thủy binh Nam Hải cũng cơ nào đội ấy, nhưng trầm tĩnh hơn, và cũng biết trước chuyến này sẽ phải hy sinh nhiều, ai nấy cắn chặt hàm răng, đôi mắt gờm gờm, tinh thần chấp nhận.

Thủy Tinh đã cùng theo Sơn Tinh tới núi rồi đi gặp Bà Mẹ Việt Nam. Sơn Tinh trình với Bà rằng đặc biệt trong lần chiến đấu khốc liệt cuối cùng này, Thần xin Bà một Chiếc Áo dài, Chiếc Áo của con Bà do chính Bà khâu để làm một trung điểm hấp dẫn lực điều khiển toàn cục chiến đấu. Bà đã trao cho Sơn Tinh chiếc áo dài



the của thằng con trai. Chiếc Áo bèn được Thủy Tinh mang theo xuống biển như một thứ cờ lệnh. Chiếc Áo luôn luôn được đặt trên một ngọn sóng cao nhất để toàn thể các cơ ngũ thủy binh tiền quân, hậu quân, trung quân, tả quân, hữu quân, hết thấy đều trông thấy. Chiếc Áo bỗng thành một thứ tối cao tư lệnh. Đoàn cá mập lập tức lặn xả tới. Không một phút do dự, đoàn thủy binh Nam Hải cũng nhất tề xông lên nghênh chiến. Sau hiệu lệnh quật đuôi tấp sóng của các tướng quân cá voi, lập tức cả Nam Hải sóng cồn lên thành núi chập chùng từ phía hải phận rậm rạp đổ ra đại dương, chặn bước tiến của đoàn cá mập. Chiếc Áo luôn luôn ở trên đỉnh một ngọn sóng cao nhất. Đoàn cá mập đâu chịu chùn bước, trái lại sức sóng cồn đổ ập ra đại dương càng kích thích lòng hung hãn của chúng, chúng cũng quật đuôi lấy đà lao tới xé sóng, và đây đó đã có những vết máu ùn lên nhuộm đỏ từng khoảng bọt sóng. Chiếc Áo thoạt lao đao với sóng biển. Song nó làm quen ngay với hoàn cảnh nhờ sự phù trì của chư vị thần nhân, chẳng bao lâu nó đã biết cách đứng cực kỳ hiên ngang trên một ngọn sóng chót vót nhất. “Các anh em hãy theo hiệu lệnh của tôi!” Vì được tiếp nhận linh ý của chư vị sơn thần, hải thần, Chiếc Áo đã thể nhập đúng vai trò của mình: “Hãy theo hiệu lệnh tôi tiến, lui cho đúng phép, ngô hầu sớm chiến thắng quân xâm lăng đem lại thanh bình cho hải phận quê nhà!” Lời nói đó của Chiếc Áo chẳng hề là sáo ngữ, trái lại lời lời như nhập vào những vết máu loang trên mặt biển mà trở thành linh thiêng với sức truyền cảm mãnh liệt. Chiếc Áo quan sát đúng lúc đoàn cá mập hung hăng nhất tề lao đầu vào trận tuyến bèn hô: “Anh em lui!” Tiếng các cơ ngũ tiền tuyến cùng hô: “Anh em,

lui!” Và các chiến binh cùng lui vừa lanh lẹ, vừa nhịp nhàng. Đàn cá mập húc hăng vào khoảng trống, hoang mang quấy đuôi lui vội lại, thì Chiếc Áo đã hô: “Anh em, tiến!” Và các chiến sỹ lao đầu tiến lên. Đoàn cá mập tuy bối rối nhưng cũng biết lập tức há ngoác miệng, đập mạnh đuôi lung tung để đối phó, và máu lại ùn lên mặt biển nhuộm đỏ từng vùng rộng lớn bọt biển: máu của cả hai bên. Chiếc Áo đã quen với vị trí chỉ huy của nó lắm rồi, nó đứng trên sóng như giỡn, nó nhào lộn trên sóng như làm trò xiếc rất nhịp nhàng với lệnh hô tiến, lui vô cùng chính xác. Càng về sau, máu của cả hai bên càng đổ nhiều, lời hô nhập vào các vùng máu loang thắm càng trở thành đau đáu thiết tha, nhất là ngay sau đó lại có tiếng hô đáp lại của ngàn vạn chiến sỹ tiền tuyến. Một tiếng hô đơn độc, uy nghi, tha thiết vừa tung lên, lập tức được bao quanh hùng dũng đầy mà trù mền đầy bởi tiếng vang đền đáp của muôn vạn tâm hồn đồng tình thừa hành. Cả vùng Nam Hải tràn ngập một âm hưởng gắn bó vừa hào hùng vừa ấm cúng không bút nào tả xiết. Cú chiến thuật đó kéo dài trong nhiều ngày qua, đoàn cá mập biết mà không làm cách nào phá cho được. Đôi khi chúng cũng biết húc dứ rồi dừng lại có ý đợi, nếu đoàn thủy binh Nam Hải mà xông lại đuổi theo thì cả hàng rặng cá mập như một vạn lý trường thành kia sẽ cho đoàn quan Nam Hải nếm một thất bại chua cay kinh khủng. Nhưng phương thức chỉ huy của Chiếc Áo đã nhập điệu rồi, trong trường hợp đó Chiếc Áo không hô lui cũng không hô tiến mà cất tiếng cười vang. Và tiếng cười của Chiếc Áo cũng lập tức nhận được âm vang cộng hưởng của không riêng gì hàng ngàn vạn chiến sỹ tại tiền tuyến mà của cả hàng triệu chiến sỹ tại các cơ sở hậu cần.

Điều này càng làm cho đoàn cá mập tức điên ruột, rồi từ từ sự mất bình tĩnh đó chúng lại húc vào những đường mòn sơ hở. Máu không còn ùn lên thành từng khoang lớn nữa, mà nhiều chỗ đã biến thành cả một khúc sông máu chan hòa biết rẽ sóng trùng dương. Cuộc chiến tiếp tục ngày một ác liệt hơn. Cuộc chiến chỉ tương đối lắng dịu chút ít về đêm.

Trong đoàn tâm lý chiến kia của thủy binh Nam Hải, có một chú Hải Trư thuộc nòi thi sĩ. Vào một đêm trăng, chú Hải Trư thi sĩ quan sát bóng Chiếc Áo dài của Bà Mẹ Việt Nam nhảy múa thức tỉnh trên đỉnh chót vót một ngọn sóng trùng dương, Chiếc Áo linh thiêng không hề chớp mắt, không hề nghỉ ngơi, Chiếc Áo nhất định sẽ đem lại vinh quang chiến thắng cho hải phận, không còn ai nghi ngờ điều này nữa. Nhìn Chiếc Áo linh thiêng nặng lòng với nước non, thức tỉnh trên đỉnh sóng chót vót trùng dương giữa màu trắng huyền ảo, chú Hải Trư cảm thấy hồn thơ lai láng, chú lập tức sáng tác một khúc trường thi ca ngợi “Chiếc áo nước non của mẹ hiền trao tặng”. Chú biết loại tơ dệt Chiếc Áo đó mua tự một tỉnh kỹ nghệ lớn tại trung tâm nước Anh Cát Lợi. Tơ đó được chính Bà Mẹ Việt Nam dệt thành tấm, rồi lại chính Bà may thành áo. Trong bài trường thi chú bèn ca ngợi tinh thần khôn ngoan và ý thức thấu triệt hòa đồng Đông Tây thể hiện ở ngay Chiếc Áo. Chú lại thêu dệt tả cả cảnh chiếc tàu chở tơ từ Anh Cát Lợi vào kênh đào Ai Cập ra sao, tới Ấn Độ Dương gặp những trận bão nào, một trận bão cực lớn đã thổi dạt chiếc tàu chở tơ vào đảo Tích Lan ra sao, và sau cùng tàu chở tơ cập bến thanh bình Việt Nam vào ngày nào. Tất nhiên những trận bão được tả rất linh động, cũng như ngày cập bến Việt Nam

ghi rất chính xác, đều hoàn toàn do trí tưởng tượng thêu dệt của chú hải trư thi sĩ, nhưng điều đó có hề gì. Tơ kia, tàu kia, bão kia, hải cảng kia chỉ là những có để Hải Trư thi sĩ sử dụng mà ca ngợi Chiếc Áo linh thiêng, trung tâm điểm thu hút mọi luồng linh ý của chư thần, mọi ngưỡng vọng của trăm họ thủy tộc Nam Hải. Khúc trường thi được sáng tác trọn vẹn trong có một đêm, sáng tác đến đâu Hải Trư ngâm vang đến đấy, và tất cả các loài thủy tộc ở tiền tuyến cũng như ở hậu tuyến đều học thuộc truyền khẩu và ngâm ngay dưới ánh trăng. Chiếc Áo nghe khúc trường thi ca ngợi tiểu sử mình ra chiều cũng hỏi lòng hỏi dạ lắm. Nghe nói Hải Trư thi sĩ qua một đêm hoàn tất khúc trường thi, sớm hôm sau toàn thân chuyển thành màu trắng như ngà, danh tính nhà thơ vì thế càng nổi lên như cồn, mà Chiếc Áo thì kể từ đó tựa hồ như có lấp lánh ánh hào quang. Và cũng kể từ đấy đoàn thủy binh Nam Hải vừa đánh giặc vừa ngâm thơ. Đêm đến, lời thơ như biến thành kinh cầu nguyện hòa với vùng hào quang của Chiếc Áo luôn luôn thức tỉnh trên đỉnh chót vót một ngọn sóng trùng dương. Có thể nói cả trăm họ thủy tộc khắp vùng Nam Hải đều thuộc nằm lòng khúc trường thi đó. Đứng ra thì các vị tướng quân cá voi vì quá bận rộn về điều binh khiển tướng nên chỉ loáng thoáng thuộc những đoạn hay nhất; cỡ cá thu, cá đuối trở xuống thì quả là thuộc lòng từ đầu đến cuối, đến như các loại cá nục, cá mè, cá trích, cá com thì chúng đồng ca suốt ngày và thuộc lâu như cháo.

Kể từ ngày có thêm khúc trường thi “tham chiến”, đoàn thủy binh Nam Hải chiến đấu dai dẳng bất chấp thời gian, kể cả toán quân khi tới phiên được lui về

hậu tuyến nghỉ ngơi dưỡng sức cũng thấy là mình đang gối đầu đu đưa trên thời gian để trở thành bển bĩ như thời gian vậy. Và sóng tự hải phận Việt Nam càng ùn lên ngất trời cao, ngoài sức mong đợi của đoàn thủy binh, đổ ra trùng dương làm lao đao đoàn cá mập và hoàn toàn ngăn chặn mọi tấn công của chúng. Cứ thế núi sóng vùi vùi, ngày đêm điệp điệp trùng trùng rầm rộ tiến lấn ra đại dương xô lùi đàn cá mập. Đoàn thủy binh đạt tới ranh giới Hòn Hèo, một hòn đảo cuối cùng ngoài khơi Nam Hải, còn thuộc hải phận Việt Nam. Lũ cá mập tiếp tục lùi, một lần chúng ngập ngừng muốn tiến nhưng lại lùi ngay. Tới suốt một đêm kia, khi sóng tấn công của lũ chúng tự ngoài trùng dương đổ vào chỉ còn thảng thốt, lời đồng ca kể tiểu sử Chiếc Áo tổng tư lệnh dưới ánh sao bồng đượm vẻ êm ả thanh bình. Rồi bình minh ló rạng, rồi vừng ô xua tan sương sớm. Không một gợn sóng thù nghịch. Đàn cá mập đã bỏ cuộc. Chúng cam chịu bỏ cuộc! Biển xa nổi với trời cao.

“Chiến thắng Hòn Hèo muôn năm!” Chiếc Áo thét lớn khẩu hiệu toàn thắng. Tức thì hàng ngàn rồi hàng muôn, rồi hàng triệu tiếng hô đáp ứng: “Chiến thắng Hòn Hèo muôn năm!” “Chiến thắng Hòn Hèo muôn năm!” “Chiến thắng Hòn Hèo muôn năm!”

Tất nhiên sóng tự hải phận đổ ra cũng hạ dần, hạ dần... Chiếc Áo tự một đỉnh chót vót nhất cũng từ từ xuống thấp. Lời đồng ca chan hòa với nắng thủy tinh, với gió lồng lộng biển thành khúc khải hoàn bát ngát.



## HỒI HẠI

### GIẤC MƠ KHÔNG NGƯỜI CỦA CHIẾC ÁO DÀI

**C**hu vị sơn thần và hải thần đã biết đoàn cá mập rút lui từ khoảng đầu giờ Tý, và các vị cũng đã trở về các sơn động, hải động ngay sau đó. Sau bao ngày vất vả ban truyền linh ý cho Chiếc Áo tổng tư lệnh và hết thấy đoàn thủy binh, khi chiến cuộc vừa dứt, lập tức Sơn Tinh trở về động phủ trên đỉnh Tản Viên để hội ngộ cùng người ngọc Mỹ Nương; Thủy Tinh trở về động phủ của mình. (Ấy tuy toàn thể dân chúng Việt Nam đều biết câu chuyện thất tình của Thần với công chúa Mỹ Nương nhưng lại không ai biết thủy động của người ở nơi nào.)

Mọi chuyện đối với các thần nhân thì nhẹ nhàng đơn giản, nhưng với chúng sinh đâu có vậy. Những giây phút đầu tiên khi chiến cuộc vừa bùng nổ, người ta bàng hoàng; giây phút đầu tiên khi chiến cuộc vừa chấm dứt người ta cũng bàng hoàng. Tiếng hô “Chiến thắng Hòn

Hèo muôn năm!” không những làm cộn mặt biển Nam Hải mà còn như muốn biến thành một thứ hỏa diệm sơn khạc lửa. Trong khi toàn thể thủy binh say mê hô lớn khẩu hiệu chiến thắng như vậy, cơ nào đội ấy còn bị rịn chưa muốn phân tán.

Một tướng quân cá voi cấp bậc thống chế trong bộ tổng tham mưu tới nói với Chiếc Áo bằng giọng kính cẩn:

- Kính thưa tối cao tổng tư lệnh, linh hồn của cuộc kháng chiến này, giờ đây hải phận đã trở lại thanh bình chúng tôi có bốn phận tháp tùng ngài về với Lão Mấu.

Chiếc Áo lắc đầu quây quạy:

- Tôi còn về làm gì hờ thống chế? Tôi đã chiến thắng quân địch ở đây, thì tôi cũng ở lại đây trong những ngày còn lại, chia xẻ những nỗi vui buồn thường nhật cùng toàn thể hải phận.

- Xin bái lĩnh tôn ý – Viên thống chế nói vậy, rồi cúi chào Chiếc Áo trước khi rút lui.

Kế đó các cơ ngũ cũng phải giải tán. Đoàn tướng quân cá voi bơi vút ra khơi vẫy vùng với sóng gió, thỉnh thoảng cao hứng, các kình ngư tướng quân đó lại phun cầu vòng nước lên khỏi mặt biển. (Lúc các tướng quân điều khiển cơ ngũ thì nghiêm minh khắc khổ, bây giờ thời bình thì lại tinh nghịch như trẻ thơ.) Có khi các tướng quân quây quần thành vòng tròn rồi phun thi xem cầu vòng nước của ai cao nhất. Những cầu vòng nước chỗ thì trắng xóa, chỗ thì phản ánh bảy sắc cầu vòng, cả khoảng biển bỗng như biến thành động pha lê



muôn màu. Một đàn cá chuồn thông minh biết nô giỡn đúng lúc, bèn cùng vút lên cao khỏi mặt nước, quẫy đuôi, lái vẩy, bay là là vào khoảng động pha lê muôn màu đó, trông như những tiểu thiên thần trong một giấc mơ lung linh nhất của tuổi thơ nhân loại.

Muôn loài thủy tộc của cả vùng Nam Hải đã sớm biết hòa mình vào không khí thanh bình của hải phận. Nhưng Chiếc Áo dài thì không. Chiếc Áo từ chối trở về với mẹ hiền tạo tác nên mình. Nó đã quen sống chót vót trên một đỉnh sóng cao nhất của mặt biển phong ba thời chiến, làm sao có thể trở về nằm trong rương áo, hay treo trên mắc áo mẹ già! Đâu có được! Hèn mọn và tầm thường quá! Nhưng giờ đây nó nằm vệt vờ, lửng lơ giữa khoảng sâu của nước biển thì cũng có gì đáng kiêu hãnh đâu! Thần trí nó không còn là trung tâm tiếp nhận các linh ý của Sơn Tinh, Thủy Tinh cùng chư vị phúc thần khác, nên nó cảm thấy chóng chênh làm sao ấy. Nằm kia, nghe mình đu đưa theo nhịp sóng thanh bình, nó ôn lại thuở nào đứng nhào lộn một cách vừa thức tỉnh vừa uy nghi trên một đỉnh sóng chót vót, nó ôn lại thuở đó mắt sáng, tai thính, trí minh mẫn theo dõi và như nhìn được thấu suốt mọi mưu toan thâm kín của quân thù để ra lệnh tiến lui thật chính xác, thật hữu hiệu cho ba quân. (Vì sự yếu kém thường tình của chúng sinh, Chiếc Áo đâu chịu nhận mình chỉ là trung tâm tiếp nhận linh ý của chư vị phúc thần hải phận.) Hôm đó đương nằm đu đưa ôn lại thời oanh liệt, Chiếc Áo chợt trông thấy Hải Trư thi sĩ toàn thân trắng phau boi qua. Chiếc Áo lên tiếng chào, Hải Trư nhận ra người cũ, đôi bên đàm đạo đôi lời. Trong câu chuyện, Chiếc Áo có kín đáo nhắc lại công trình sáng tác khúc trường thi xưa của Hải Trư, thì

thi sỹ chỉ mỉm cười nhún nhặn coi đó là công chung của hoàn cảnh. Chiếc Áo lại kín đáo gọi hỏi xem sau đó thi sỹ Hải Tru có sáng tác thêm khúc trường thi ca ngợi chiến thắng Hòn Hèo chăng, thì thi sỹ lại chỉ đọc lên có mấy đoạn thi ca ngợi Trường Sơn lúc bình minh nắng sớm, Biển Đông khi sóng gợn mưa chiều, hoặc trăng tà hải lộ, gió lộng đường mây. Khi Hải Tru thi sỹ từ giá bơi đi rồi, Chiếc Áo cảm thấy lòng bùng bùng uất hận, nó vùng lên nói như hét: “Ta phải thực hiện một chiến thắng Hòn Hèo khác!” Chiếc Áo nhận thấy sóng biển cộn lên và nâng nó lên cao ngang mặt biển. Nó lại hét: “Ta không thể sống hèn mọn thế này mãi được!” Tức thì sóng cồn cao hơn nữa và nó nhô hẳn lên mặt biển. Nó nhận ra nó vẫn nằm nguyên vị trí cũ gần Hòn Hèo, nơi nó đã điều khiển ba quân chiến thắng oanh liệt lũ cá mập.

Tội nghiệp Chiếc Áo của Bà Mẹ Hiền Việt Nam:  
Nó đã thành nạn nhân của chính nó mất rồi!

Nó đưa mắt nhìn quanh thấy một đàn cá trích đông tới hàng vạn con đương bình thản tìm rêu ăn trong đám rong biển mênh mông gần đấy, nó bèn hét: “Bọn bay không thể sống hèn mọn thế được, phải làm cho biển Đông nổi sóng và chuẩn bị chiến thắng một trận Hòn Hèo thứ hai!” Tức thì cả đàn cá trích xao xuyến hẳn và sóng biển đã có sẵn đà lại rõ cao hơn chút nữa. Đồng thời Chiếc Áo cũng nhận thấy một số ngư loại khác ở ngoài biên giới hải phận có vẻ chăm chú theo dõi mọi cử chỉ ngôn ngữ của mình; nó tự khám phá thấy nó còn khả năng làm cho cả hải phận gợn sóng (trong bao nhiêu ngày tiếp nhận linh ý chư thần, những linh chất vẫn kết tụ nơi áo để dùng làm vốn phóng xạ). Nó quan sát xa hơn, thấy một đàn cá thu đương tung tăng

nô giỡn, nó bèn hét lớn: “Bọn bay không thể sống hèn mọn thế được, hãy làm cho hải phận dậy sóng, và chuẩn bị một chiến thắng Hòn Hèo thứ hai!”

Luồng phóng xạ ủa tới đàn cá thu làm chúng thoát quấy đuôi xô sát vùng vàng, rồi con nọ cắn con kia hỗn độn, sóng biển quả có uốn lên cao hơn như một tấm gương vòng. Tức thì có tiếng hoan hô tán thưởng của số ngư loại bàng quan khán giả ở bên kia làn ranh, ngoài hải phận. Chiếc Áo thấy đã có đà đắc chí, nó liếc nhìn ra xa hơn nữa thấy một số cá chiên miệng dài và hơi dẹt như miệng cá sấu, dọc theo xương sống và hai bên bụng đều nhô lên những hàng xương cứng nhọn, Chiếc Áo nhớ lắm, trước đây loại cá này vẫn thường được các kinh ngư tướng quân xếp cho đi đầu đạo quân xung kích. Chiếc Áo bèn hét lớn: “Hỡi đoàn quân xung kích cũ kia, bay cam sống thanh bình hèn mọn thế ư, hãy vùng quấy lên cho biển Đông gợn sóng, ta sẽ chiến thắng một trận Hoàn Hèo thứ hai nữa!”

Tia phóng xạ cũng lại đạt tới đoàn cá chiên và lũ cá chiên cũng lập tức vùng quấy và húc vào nhau chí mạng, cả mặt biển càng uốn cong như đĩa trẻ lên con sài uốn ván, và tiếng hò tán thưởng của lũ ngư loại bàng quan ngoài hải phận càng làm cho Chiếc Áo nức lòng. Nó lại thoáng thấy mãi tí phía xa hơn nữa, một số kinh ngư tướng quân phun cầu vòng nước lên mặt biển, rất có thể trong số có cả kinh ngư thống chế xưa, nó bèn hét lớn:

“Các vị kinh ngư tướng quân, các vị có sức ngang dọc vẫy vùng như vậy mà cam chịu để cho thân bại danh liệt trong khoảng biển sóng lặng nước yên này ư? Hãy

quấy đảo cho biển Đông nổi sóng chúng ta cùng kiến tạo một chiến thắng Hòn Hèo thứ hai còn muôn phần vẻ vang hơn chiến thắng Hòn Hèo cũ!”

Đoàn cá voi vẫn nô giỡn ngoài xa, thản nhiên như nắng gió khoảng đó. Tia phóng xạ Chiếc Áo phóng ra chẳng gây được chút ảnh hưởng gì với các vị tướng quân đó. Tuy nhiên những tia phóng xạ đó càng kích thích mạnh lũ cá chiền, cá thu và cả đàn cá trích mệnh mông quanh đấy khiến chúng vùng vẫy mạnh hơn; sóng biển nhùng như cũng nhô cao thêm chút ít nữa. Lũ ngư tộc loại hiếu kỳ bên ngoài hải phận đã quy tụ đông hơn và reo hò vang trời để khuyến khích Chiếc Áo làm trò khuấy động biển Đông cho chúng xem, vì thực rất hiếm khi được chứng kiến tấn trò kích thích sinh động như vậy. Tiếng chúng hoan hô cũng có giúp cho đợt sóng lên cao chút nữa. Tất nhiên Chiếc Áo đứng ở mồm sóng cao nhất. Nó cũng hiểu là phải luôn luôn hò hét và không ngừng phóng xạ để giữ mức kích thích cũ giữa lũ cá nằm trong vòng ảnh hưởng của nó, và cũng để giữ vững cao độ của ngọn sóng trên đó nó đứng. Nó cũng hiểu là thứ sóng biển nó tạo nên này không đồ sộ kiêu hùng, không chót vót uy nghi như thứ sóng cứu nguy hải phận xưa, nhất là chiều sóng đổ thì hoàn toàn khác.

Xưa kia sóng tự hải phận cồn lên thành hàng dãy núi sóng uy nghi đồ sộ, rồi kiêu hùng cuộn cuộn ra khơi đổ ụp lên đầu lũ cá mập. Giờ đây chiều sóng đầu có rầm rộ đổ ra khơi, ngược lại sóng hướng về phía nội địa, cứ như vậy đuổi nhau, đuổi nhau, thấp dần thấp dần rồi tan biến đi sau khi gồng bò lên bãi cát thoải thoải thêm một vài thước nữa. Thôi cũng được! Chiếc Áo cho như thế còn hơn là nó cứ phải nằm lửng lơ giữa khoảng chiều

sâu của nước biển. Lũ ngư tộc bàng quan, vẫn không ngớt tiếng hoan hô. Chiếc Áo thềm đàn kinh ngư lấm, nó hy vọng nếu cứ giữ vững khí thế của biển động như vậy, biết đâu rồi đàn cá voi chẳng vô tình bơi vào gần hơn, bơi vào vùng mà chất phóng xạ của nó gây được tác động. Nếu cả đàn cá voi đó mà nhập cuộc thì ngọn sóng nó đang đứng chắc chắn sẽ còn cao lên gấp bội, ít nhất cũng đạt được nửa chiều bề thế của ngọn sóng chỉ huy khi xưa, và lũ ngư loại ngoại tộc kia còn phải lác mắt nhiều hơn nữa vì nó.



# HỒI BẠ

## VÀNG SON TÀN LỤI

**B**uồn thay cho Chiếc Áo, đoàn kinh ngư vẫn nô giỡn nơi xa, chẳng một chút lưu tâm đến trò “Biển Đông sóng gợn” của nó. Một cặp vợ chồng cá chiên đương say sưa trong cuộc ẩu đả bỗng bị húc lộn ra xa vượt khỏi vòng mê hoặc của tia phóng xạ, cả hai thoát bâng hoàng, quật đuôi một lần nữa khi vừa ngoi lên mặt biển. Bọt sóng tung lên như mưa bụi rơi xuống mát lạnh, hai vợ chồng con cá chiên tỉnh hẳn, định thần nhìn lại trời biển một màu xanh như ngọc thạch, chúng hả hê quấy đuôi ra khơi xa hẳn vùng hắc ám.

Kế tiếp một đôi cá chiên khác vẫn còn trong vòng tác động của những tia phóng xạ, nhưng ở khoảng ngoại vi, chúng đương chiến đấu hăng với đôi địch thủ khác bỗng thấy giảm hào hứng đi nhiều. Thì ra năng lực phóng xạ của Chiếc Áo cũng đã bắt đầu suy giảm. Rồi không thấy sự hào hứng kích thích hai vợ chồng cá chiên như theo sự thúc đẩy của linh tính tự động lùi ra xa. Sau vài phút bâng hoàng đôi cá này nhận thấy biển trời

vẫn một màu xanh quuyến rừ, và cũng như đôi cá trước, chúng vùng bơi ra khơi.

Rồi từng đôi cá chiên này, từng đôi cá chiên khác lần lượt thoát vùng mê hoặc... Sóng biển vùng đó vì vậy yếu dần và tất nhiên ngọn sóng chỉ huy nơi Chiếc Áo ngự trị cũng hạ dần cao độ. Lũ ngư loại bàng quan tuy vẫn reo hò khích lệ để duy trì lấy trò vui hiếm có, nhưng cũng đã có kẻ thấy chán, quay lưng bơi sang vùng khác. Có lú mới từ xa lại, không có dữ kiện để so sánh, thấy trò chơi vẫn còn quuyến rừ lắm và chúng reo hò cổ võ hết mình.

Nhưng càng về sau năng lực phóng xạ của Chiếc Áo càng sa sút đi rõ rệt, không những cả đoàn cá chiên đã thoát vòng mê hoặc mà ngay đàn cá thu cũng đã vội thoát đi nhiều. Ngọn sóng chỉ huy thấp dần, khi độ thấp tới mức nhập làm một với các ngọn sóng thường khác thì thế giới mê hoặc của Chiếc Áo chỉ còn vừa đủ bao quanh lấy đàn cá chích đang vừa dào dạt ăn rêu ở đám rong biển rộng lớn, vừa hích đẩy nhau chí chöhe. Chẳng bao lâu Chiếc Áo chìm dần xuống khoảng sâu lơ lửng như cũ. Cắm phẩn lắ, Chiếc Áo thét lớn:

- Chúng bay hãy hát khúc đồng ca (tức là khúc trường thi ca ngợi tiểu sử xưa)!

Tức thì cả đàn cá trích đồng ca một đoạn của khúc trường thi. Cũng cảm thấy lòng nguôi nguôi đôi chút, Chiếc Áo ngược nhìn mặt biển bên trên. Những linh chất tích lũy đã phung phí gần hết, giờ đây nó cảm thấy rõ là nó không còn cả lực để ngoi lên mặt biển nữa. Thôi thì số “dấn vốn” ít oi còn lại nó sẽ tiêu pha dè sẻn để cố giữ lấy lú cá trích lâu chừng nào hay chừng nấy.



Được cái lữ cá trích sau khi kiếm được no đủ thì trong tâm tâm cũng ao ước được hô theo một khẩu hiệu nào đó để cuộc đời thêm phần ý nghĩa. Bởi vậy nhiều khi Chiếc Áo chỉ việc hô lớn: “Ta sẽ chiến thắng một trận Hòn Hèo thứ hai!” là đàn cá trích hô lại y hệt không thiếu một chữ, mà Chiếc Áo kiểm soát lại, thấy không phải chi phí một ly phóng xạ nào. Nhưng rồi đầu đón thay, tới lúc gió mùa đổi chiều, cả đàn cá trích rào rào ra đi theo gió không một lời đoái hoài đến kẻ đã hàng ngày dạy chúng cùng hô lớn khẩu hiệu để tô điểm thêm ý nghĩa cho đời sống. Tới thay đàn cá trích là một đàn cá nhỏ hơn, nhỏ hơn nhiều lắm, đó là đàn cá com. Loại này đúng là loại tép riu của biển cả. (Cũng có thể là đàn cá com từ xưa vẫn ở nơi đây, mà bây giờ vì đàn cá trích đi rồi Chiếc Áo mới để ý thấy.) Câu đầu tiên Chiếc Áo hỏi lữ cá com: “Tụi bay có thuộc khúc trường thi không?” May thay lữ cá com nhất loạt thưa: “Bẩm có ạ.” – “Thử hát một khúc ta nghe coi!” Quả thực chúng hát trôi chảy một đoạn nhỏ. Khúc trường thi đã từ lâu bị xé ra tởm tả thành từng đoạn nhỏ, và những đoạn hay nhất đã biến thành ca dao của biển cả. Dầu sao thì được nghe từng đoạn nhỏ của khúc trường thi xưa như vậy cũng là một niềm an ủi lớn lắm cho Chiếc Áo. Giờ đây Chiếc Áo trông già nua, còm cõi lắm rồi. Còn gì nữa. Bao nhiêu tâm lực đổ ra hết trong cuộc vùng dậy cuối cùng, rồi thất bại, rồi sống vật vờ giữa lữ cá trích, giữa đám rong biển luôn luôn đu đưa, nhiều khi xao động nếu trên mặt biển có gió lớn. Nay lữ cá trích đi. Chiếc Áo sống giữa lữ cá com hèn mọn thì từng sợi tơ dệt áo cơ hồ cũng mục ruỗng đến nơi mất rồi. Đã thế lữ cá com mới nở, chúng còn nhỏ quá, ngây thơ không biết gì, nhiều lần vô tình

phạm tội bất kính, chúng kéo nhau lại xúm quanh Chiếc Áo rửa lấy chút rêu, đến khi cha mẹ chúng la hét chúng trở lại, thì tờ áo đã bục thành vô số những vết lỗ chỗ nhỏ rồi. Nhưng không vì thế mà Chiếc Áo quên hô khẩu hiệu, ít ra là một lần một ngày, khẩu hiệu hứa hẹn một chiến thắng Hòn Hèo thứ hai. Điều đó đã thành một nếp suy tư cố định của Chiếc Áo cần thiết chẳng kém gì khí trời để thở. Thiếu ăn có thể dăm bữa nửa tháng mới chết, chứ thiếu khí trời chỉ năm phút là đi đời. Dù già nua, dù xác xơ thì Chiếc Áo cũng còn sống. Được cái lũ cá com con để bảo hơn cả lũ cá trích, hễ nghe hô khẩu hiệu thì chúng lập tức hô theo, bảo hát khúc trường thi, lập tức chúng nhớ đoạn nào hát ngay đoạn ấy, tâm hồn chúng đơn giản quá, chúng luôn luôn tiếp nhận và thực thi những mệnh lệnh từ ngoài đến, tựa như đó là khuynh hướng tự nhiên để đời này qua đời khác phong phú hóa dần kiếp sống của chủng loại chúng bằng những kinh sống đó. Nhưng tới một sớm kia, khi vừa sực thức dậy, thuận miệng cất lời hô một khẩu hiệu, Chiếc Áo chỉ nghe thấy lác đác có vài tiếng hô còm côi đáp ứng. Chiếc Áo bèn nhóm dậy nhìn quanh, cả đàn cá com biến đi đâu mất phần lớn, chỉ còn lại một số nhỏ có vẻ khập khiễng hốt hoảng. Thì ra gần trọn đàn vừa bị sa vào một mẻ lưới. Dọc theo bờ biển vẫn có đôi vùng người dân chài Việt Nam ưa đánh cá com để về làm mắm.

## HỒI BỐN

### NỖ BI PHẢN CỦA MỘT CHÍNH KHÁCH LƯU VONG MỘT NGẪU NHIÊN DỊ KỲ CỦA LỊCH SỬ ĐỀ NẶNG LÊN CHIẾC ÁO DÀI XÁC XƠ

Cùng đạo này lịch sử trên đất liền cũng nhiều bề bi đát lắm. Một cuộc đảo chính chẳng biết là lần thứ bao nhiêu vừa xảy ra. Lần này phe đảo chính thành công nhất vị quốc trưởng bị truất quyền vào một tòa nhà kiên cố ngay sát bên trụ sở quốc hội. Vị quốc trưởng mới cùng bộ tham mưu của ông họp ngay trong phòng lớn trên lầu của trụ sở quốc hội, gian phòng này lại đối diện với gian phòng nhất vị quốc trưởng thất thế, điều này càng làm vị quốc trưởng thất thế tức điên ruột. Ông có đứng giạng háng trước cửa sổ kính có chấn song sắt, chỗ sang phía vị tân quốc trưởng cùng bộ tham mưu của ông ta mà vừa thóa mạ vừa thuyết lý. Tất nhiên là cách một lần kính pha lê dày như vậy làm sao đối phương nghe được, nhưng con người thất thế cứ vừa hoa chân múa tay vừa nói cho hả.

Ông nói nhiều, nhiều lắm. Toàn là những điều mà khi còn tại vị ông mắc phải. Cũng có thể là vì trước đây làm cục giả mê, nay ông ở thế cờ ngoài bài trong nên sáng suốt và ông thẳng thắn nói những điều mình nghĩ.

Cũng có thể là Sơn Tinh hay Thủy Tinh vốn không bao giờ can thiệp vào việc người, bởi các vị cho con người đã có trí thông minh thì đương nhiên họ có thể tự cứu, nhưng hôm nay nhân ngao du qua đây, thấy cảnh trớ trêu, thì mở nắp tiềm thức cho nạn nhân nói lên những sự thật đơn giản mà đã từ lâu rồi ai cũng biết như vậy. Vị quốc trưởng thất thế la hét một hồi nghe có hơi mệt bèn ngừng lại. Ông hơi ngửa mặt nhìn vòm cây bên ngoài rậm như rừng. Ông nhìn xuống mặt một đại lộ cách đó không xa, những vệt sáng giao thoa của những chiếc xe hơi qua lại ngược chiều nhau vun vút. Ông cúi mặt trầm tư tưởng tượng ngày xa xưa khoảng này còn nguyên vẻ hoang vu của rừng cây có chồn có thỏ, có hươu nai, hổ báo. Vẻ thiên nhiên man rợ như vậy ông thấy còn đẹp hơn cả trăm ngàn lần cảnh văn minh giả trá bây giờ, đường nhựa phẳng, bóng xe cộ tấp nập, ánh điện sáng choang như ban ngày, nhưng con người thì rình rập lọc lừa nhau, bất nhân tàn ác vượt xa những loài cầm thú xưa, khi nơi này còn là khu rừng già nhiệt đới. Nghĩ tới đây vị quốc trưởng thất thế ngừng nhìn sang phòng đối diện thấy vị tân quốc trưởng vẫn còn say mê bàn luận với ban tham mưu trước một bản đồ bỏ ngõ, bất giác ông lại nổi sùng và la hét lên rằng cai trị mà không biết dựa vào dân thì chẳng sao thoát cảnh làm chó săn chim mồi cho ngoại nhân. Nói chi đến chuyện bình đẳng với chúng, nói chi đến chuyện cứu nước thoát khỏi tay lũ quỷ đỏ...

Nhiều, ông nói nhiều nữa, đại khái toàn là những sự thực đơn giản như hai với hai là bốn, nhưng vì đã bị đánh đĩ nhiều nên khi âm thanh những lời đó vang lên chỉ làm người nghe buồn nôn lộn mửa, thuật giả danh tự ý lược đi.

Sớm hôm sau người ta đưa vị quốc trưởng thất thế lên chiếc trực thăng. Ông được cho hay chiếc trực thăng đặc biệt đó sẽ đưa ông ra một miền bờ biển, rồi từ miền bờ biển, vẫn chiếc trực thăng đó sẽ đưa ông ra một tuần dương hạm đậu ngay ngoài khơi. Ông sẽ ngụ tại tuần dương hạm chờ dịp thuận tiện lên bộ lưu vong tại một thành phố ngoại bang.

Lúc cánh quạt chiếc trực thăng đã quay tít, lòng quê bồng vô cùng xúc động ông hét lên: “Đất! Đất mẹ! Hãy đưa cho tôi một bình đất mẹ!”

Một người lính cận vệ vội vã chạy tới góc tường xa, khệ nệ bưng tới một chiếc vỏ đạn đại bác lớn đựng đầy đất. Vị quốc trưởng thất thế ôm lấy chiếc vỏ đạn đại bác đầy đất đó như ôm quê hương vào lòng. Và chiếc trực thăng cất bồng lên. Ông bồi hồi nhìn từng mảnh giang sơn lượn lướt bên dưới, tâm trí ông như mê mẩn.

Quả nhiên chiếc trực thăng tới một miền duyên hải thì hạ xuống. Điện đài liên lạc với tuần dương hạm ngoài khơi. Thời tiết không xấu. Thế là tức khắc chiếc trực thăng cất mình vù vù hướng ra khơi. Quay nhìn dải đất liền quê hương một lần nữa, nhà chính khách thất thế muốn khóc nức lên, hai tay ôm ghì chặt lại. Ông sực nhớ ra chiếc vỏ đạn đại bác đầy đất vẫn ôm kè kè bên mình, ông bèn vục một tay vào. Qua một tầng đất toi phủ hờ bên trên, tay ông bỗng chạm phải một lớp nhám

uớt, đồng thời một mùi thối khản xông lên. Trời ơi, bên dưới là trấu trộn với phân lợn. Thì ra người lính cận vệ đã hấp tấp ôm lầm phải đờn bón cây hoa của người làm vườn trong dinh quốc trưởng. Ông giận dữ ném chiếc vỏ đạn nặng đó xuống biển. Màu đồng lấp lánh kẻ một đường nghiêng, và mặt biển tóe một khoảng trắng nhỏ như một đóa hồng bạch từ cao ngó xuống.

Cuộc đời lưu vong của vị quốc trưởng thất thế đã đành là buồn thảm nhưng xin quý vị độc giả hãy trở về với Chiếc Áo Dài của bà mẹ Việt Nam. Chiếc vỏ đạn đại bác từ trên chiếc trực thăng lao mình xuống mặt biển chẳng khác một trái bom vừa được phi công bấm nút thả xuống. Thật là một ngẫu nhiên dị kỳ của lịch sử, chiếc vỏ đại bác khi mang sức nặng của mình chìm sâu xuống mặt biển, thì lại rơi đúng vào Chiếc Áo và kéo luôn cả Chiếc Áo ra khỏi đám rong lơ lửng mà cùng chìm xuống sát đáy biển. Vỏ đạn đại bác nằm chặn lấy thân sau Chiếc Áo, trong khi thân trước và cổ áo thì cố vươn lên những muốn đòi được trở về vị trí cũ lơ lửng với rong biển và đàn cá com ở trên. Chiếc Áo vốn đã xác xơ, bẹ rạc, những khoảng trước đây đàn cá com nhỏ tới đớp rêu nay trở thành những vết lõm chỗ lớn thực sự. Thêm một lần đàn cá tới kỳ đẻ trứng, trứng cá hàng triệu triệu đã phủ kín cả Chiếc Áo. Ngày cá nở một số trứng ung còn bám lại, rồi biến chất đi, thành vô vàn những điểm lấm tẩm màu tím xỉn. Bây giờ lại thêm mùi hăng nồng thum thum tụt bên trong chiếc vỏ đạn tiết ra!

Tuy tình trạng Chiếc Áo ngày nay xác xơ bẹ rạc là vậy, nhưng giấc mộng chiến thắng một trận Hòn Hèo thứ hai vẫn không phai mờ. Thỉnh thoảng Chiếc Áo vẫn hét lên: “Chúng ta hãy chiến thắng một trận Hòn Hèo

thứ hai!” Lũ cá com lơ lửng bên trên nghe thấy vậy lập tức nhấc lại thành một lời đồng vọng tuy yếu ớt nhưng cũng làm nó ấm lòng phần nào.

Một ngày kia Chiếc Áo bùng thức giấc thấy tuy khoảng đáy biển mình nằm coi bộ vẫn yên, nhưng khoảng rong mênh mông bên trên bị xao động dữ. Quả thực trên mặt biển lúc đó sóng cồn lên thành núi. Bão biển theo như lời báo của thiên văn đài sẽ còn kéo dài suốt ngày hôm đó. Cả vùng rong biển đương bị di chuyển theo luồng sóng dữ. Đàn cá com thì vội vã bơi vào khoảng vịnh gần đáy để ẩn bên dưới những hốc đá ngầm. Điều này Chiếc Áo không biết.

Quen miệng như mọi khi Chiếc Áo hô lớn: “Chúng ta hãy chiến thắng một trận Hòn Hèo thứ hai!”

Tiếng hô vang lên cao một chút rồi lệch lạc đi với luồng sóng dữ. Không một tiếng vang đáp lại. Nghe cô đơn lạ lùng!





ẢNH TRĂNG  
THÁNG TÂM



**T**háng tám ở miền Bắc vẫn là tháng nhiều mưa bão.

Nhiều năm tháng tám mát trăng rằm trong mưa gió ngập trời để sớm hôm sau, hôm mười sáu, đi trong bầu không khí ẩm ướt và mát lạnh, người ta thấy khắp nơi cây bật rễ, nhà sập, mái bay, cành gãy, giậu đổ tả tơi.

Nhưng nếu được năm không mát mùa trăng vì gió bão, thì trăng thu quả thật là thắm thắm, huyền diệu tuyệt vời.

Trăng đêm hè thường sáng lộng với gió mát làm lả ngọn tre, làm bù đầu ngọn xoan. Và dưới con mắt thơ ngây của chú bé vào thuở lên bảy lên tám đó thì tưởng như nếu chú trèo lên được ngọn cây đa cao ngất sau miếu làng, với chiếc quan sào dài nữa là chú có thể cỡi được trăng; nếu không ít ra chú cũng chọc đụng trăng

làm trắng lung lay như các anh các chị chú vẫn chọc buời  
đào ngoài vườn.

Nhưng trăng thu không thế. Gió thu lạnh lạnh  
làm những lùm tre như thu sát lại, những cụm xoan khi  
nhòa đi như lơ đễnh, khi đậm lại như suy tư, trăng tròn  
thăm thẳm trên cao ngoài mọi tầng với, dù chú bé có  
đứng trên đọt đỉnh cây đa miếu làng, nổi thêm ba chiếc  
quan sào liền.

Có thể vào lúc chiều, chú bé ra đầu làng nhìn  
thành sương trắng dâng lên ngang lũy tre một làng mãi  
tít cánh đồng xa, ấn tượng màu sương trắng đó làm chú  
thêm lạnh vào lúc trăng khuya lên cao.

Chú thường cùng các bạn chơi phụ đồng chối:

*Phụ đồng chối  
Thôi lối mà lên  
Ba bè bốn bên  
Đồng lên cho chóng.*

Tiếng trống phụ đồng xoáy riết lấy tâm trí kẻ  
ngồi đồng, tiếng nạo bạt mạ thêm ánh vàng ma lục và  
cán chối trong tay bắt đầu đảo, theo đúng như ý mình  
và ý các bạn mình muốn.

Có khi là phụ đồng ếch. Chú bé chưa hề có  
ý niệm gì về thứ định mệnh bi thảm của kiếp người,  
nhưng ý nghĩa, hòa với âm thanh, lời ca đã như thổi vào  
tâm linh một thoáng gió thẳng thốt:

*Tham ăn mắc phải răng hà  
Cha hời mẹ hời xiên qua mép này!  
Tôi về đây trách cậu trách dì  
Săn dao, săn thót bằm thì chẳng tha.*

Thoáng gió thổi thốt đó miên viễn ngự trị trong hồn chú từ đây để tự thể hiện dần, tô đậm dần với tháng ngày định mệnh mà dù muốn dù không chú phải chia sẻ với đồng bào, đồng loại.

*Thứ nhất là củ hành hoa,  
Thứ nhì nước mắm, thứ ba củ riềng  
Thứ tư là hạt hồ tiêu  
Tán ra cho đều vừa hắc vừa cay  
Khen thay thằng bé hai tay  
Miếng nạc nó gấp, xương rày thấy xa  
Trầu đầu ăn đỏ môi ta  
Rượu đầu uống chén ắt là hồn lên.*

Miệng chú bé ngậm nén hương, chú chỉ đợi bạn hát đến câu cuối cùng là chú nhảy bốn chân như ếch. Các bạn chú hốt hoảng chạy tán loạn ra bốn phía. Đóm nhang lên xuống cùng nhịp nhảy (y hệt kiểu ếch) mang theo mùi nhang như một lời cầu nguyện thiết tha với một ám ảnh dai dẳng mong được giải thoát.

Chú lớn lên thành thiếu niên, thanh niên, tráng niên, trung niên... Suốt cuộc hành trình nhân sinh, hầu như thường xuyên chú chiêm nghiệm mình và chiêm nghiệm người bằng câu phụ đồng ếch dưới trăng thu thuở nào:

*Tham ăn mắc phải răng hà  
Cha hời mẹ hời, xiên qua mép này.*

Càng tìm Đạo, Đạo càng xa mình, càng học Đạo, Đạo càng hẹp đi cùng trí não!



Kể từ ngày quốc nạn, gia đình tôi bị phân đôi.

Đã mười lăm năm nay tôi chỉ được gặp cha mẹ trong giấc mơ, trí tôi chỉ còn nhớ hình ảnh cha tôi mười lăm năm về trước.

(Chúng nó nhân danh thiên đường nào bắt chúng ta cam chịu vong thân tình cảm tàn nhẫn đến mức ấy?! Hồ Chí Minh vừa chết.)

Thuở tôi còn hầu hạ dưới gối cha mẹ, các ông chú bà bác mỗi lần gặp, thường vừa cười vừa nói lớn: “Cháu ơi sao mà mày giống bố mày thế!” Đạo đó tôi có nhiều lần soi gương tự nhìn khuôn mặt non choẹt chẳng thấy có một chút gì giống với khuôn mặt người lớn của cha tôi. Lớn lên. Quốc nạn. Xa cha mẹ mười lăm năm rồi. Một lần, nơi đây, tôi đứng trước gương chải đầu vội vã, tôi giật mình thấy trong gương hình một trung niên y hệt cha tôi ngày nào, hồi tôi còn là chú bé. Thành thử bây giờ mỗi lần muốn gặp cha vài giây cho đỡ nhớ, tôi lại ra trước gương làm bộ vội vã chải đầu.

Tìm hình ảnh cha già trong dĩ vãng ở ngay mình trong hiện tại trước gương, nghe thật mâu thuẫn, thật bi thảm.



- Nếu kẻ cao ngạo kia tự cho là y đã học được Đạo, hiểu được Đạo, đồng hòa với Đạo làm một, giả sử anh được quyền bố trí cái chết của y, anh sẽ bố trí ra sao?

- Tôi cho khiêng chiếc quan tài bằng trầm hương có đậy nắp, nhưng nắp đóng rất sơ sài, ra giữa công trường cho mọi người ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác đến mà chiêm ngưỡng, mà đi quanh, mà quỳ bên, mà gục đầu cầu nguyện trên nắp trầm hương thơm phức.

- Tôi e rằng chỉ hai mươi bốn giờ sau, mùi nắp

quan tài đã bốc mùi khăm khảm, đầu còn nguyên mùi trầm hương thơm phức.

- Tôi sẽ nói với bất cứ ai nghi ngại rằng đây là quan tài của Đạo, mùi trầm hương sẽ vĩnh viễn với Đạo. Áo quan còn đây cho mọi người ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác đến mà chiêm ngưỡng, mà đi quanh, mà quỳ bên, mà gục đầu cầu nguyện trên nắp trầm hương thơm phức.

- Anh không mạnh tâm lừa bịp đấy chứ? Anh đầu là phù thủy! Anh nói mùi trầm hương vĩnh viễn thơm phức mùi Đạo?

- Anh ơi, tôi đã sớm chôn xác y rồi. Đó chỉ là chiếc áo quan nắp đây hư vô! Tất nhiên tới một lúc nào đó tôi phải lật nắp quan tài và nhắc lại với những người đã từng tới chiêm ngưỡng, đi quanh, quỳ bên, gục đầu cầu nguyện, là càng tìm Đạo, Đạo càng xa mình; càng học Đạo, Đạo càng hẹp đi cùng trí não.

Rồi tôi sẽ ngậm nén hương ở miệng nhảy bốn chân như hệt kiểu éch. Cả đám đồng sẽ kẻ thì đánh trống – đánh trống bằng mồm cũng được – kẻ thì nhịp theo thanh la nạo bạt – thanh la nạo bạt bằng mồm cũng được – và tất cả những kẻ còn lại đồng thanh hát bài phụ đồng éch:

*Tham ăn mặc phải răng hà  
 Cha hời mẹ hời, xiên qua mép này  
 Tôi về đây trách cậu trách dì  
 Săn dao săn thót bằm thì chẳng tha  
 Thứ nhất là củ hành hoa  
 Thứ nhì nước mắm thứ ba củ riềng  
 Thứ tư là hạt hồ tiêu*

*Tán ra cho đều vừa hắc vừa cay  
Khen thay thằng bé hai tay  
Miếng nạc nó gấp, xương rày thấy xa  
Trầu đầu ăn đỏ môi ta  
Rượu đầu uống chén ắt là hồn lên.*

Ánh trăng tháng tám sẽ trùm lấy tôi cùng đóm nhang lên xuống theo nhịp nhảy như hệt ếch. Dù vào giờ nào trong ngày, ngày nào trong tháng, tháng nào trong năm thì lúc đó cũng là ánh trăng tháng tám bao trùm lấy tôi. Tất nhiên còn có gió, vẫn thứ gió lành lạnh thổi thốt và miên viễn với thành sương bạc. Vâng, dù là đêm trăng cũng vẫn trông thấy thành sương bạc đó, thành sương bạc dàn ngang lụy tre làng xa. Anh cho là không đúng sao?

*(Thu Kỳ Dậu, 1969)*



MẮT TRÔNG  
CỦA  
VỞ KỊCH ĐỜI



Hắn mơ thấy hắn là thượng khách chẵn cừ của xứ... xứ Nhật Bản thì phải, xứ Nhật Bản cổ kính. Vị thượng khách chẵn cừ, âu đó là đoàn cừ danh dự! Ngày nào hắn cũng mang đàn cừ đi qua ba thung lũng núi đá lởm chởm với giấy tờ thượng khách đầy đủ trong người.

Lần đó, vừa tới thung lũng thứ ba thì hắn sực nhớ đã để quên giấy tờ thượng khách ở nhà. Điều đó không được! Luật lệ xứ này là thế. Hắn bèn thả mặc đàn cừ ăn cỏ ở đấy, lập tức chạy miết mà theo đường về. Hắn vấp ngã nhiều, chân tay sây sát khắp nơi, nhưng vẫn không ngừng chạy. Hắn không muốn bị hỏi giấy tờ ngoài đường mà lại không có giấy tờ thượng khách để xuất trình.

Về tới nhà lấy giấy tờ xong thì người yêu hắn, cô

gái Nhật Bản, xuất hiện ở ngưỡng cửa. Được gặp nàng bất ngờ, bao nhiêu vết thương rớm máu trên chân tay, mình mẩy hằn hình như lành lại hết. Hấn kể cho người yêu nghe vì sao hấn phải về và những vấp ngã trên dọc đường thung lũng lờm chờm đá tai mèo. Hấn cho người yêu nhìn rõ những chứng tích – những vết thương – trên cơ thể, tuy hấn không còn cảm thấy đau đớn gì, hấn đã có người yêu bên cạnh.

Nàng yêu cầu hấn trên đường trở lại với đàn cừu thế nào cũng ngừng lại ở phòng khánh tiết bộ Lễ. Nơi đó có phòng thuốc chuyên săn sóc cho những vị thượng khách của dân tộc nàng; chính nàng điều khiển phòng thuốc này, nàng sẽ chờ hấn. Nói đoạn nàng đi ngay.

Hấn biết hấn không thể không là thượng khách, nên không thể chạy thẳng tới đàn cừu mà không dừng lại ở phòng khánh tiết bộ Lễ để được săn sóc băng bó các vết thương theo đúng nghi lễ mà dân tộc này dành cho các thượng khách. Hấn leo lên một sườn đồi dựng đứng như bức tường, vào chỗ sườn đồi thất cổ, bỗng hấn giơ tay vói lên phía trên mả, tuy không trông thấy, hấn vẫn biết có một tấm bia mộ bằng đá. Hấn dùng tấm bia đá vững chắc đó làm điểm tựa, vít mình lên. Như vậy là hấn đi tắt được một quãng đường khá dài. Hấn rảo cẳng đến phòng khánh tiết bộ Lễ.

Hấn lén vào phòng thuốc, nàng đã có đầy đương chăm chú pha thuốc rửa vết thương trong một cái chậu trắng tinh. Dáng nàng cao lớn, nhưng khuôn mặt thật đẹp, dịu dàng, đượm vẻ e ngại, rụt rè nữa. Hấn tiến tới sau lưng ôm lấy ngang thân, âu yếm đặt môi lên cổ nàng dưới mái tóc đã cuốn gọn. Nàng cười. Hấn lướt môi lên

má nàng và nhận ra rằng dưới làn phấn mịn trang điểm rất khéo, làn da nàng hơi thô; khi nàng cười hai bên mép đã gọn nét nhăn của người không còn ở tuổi tươi mát. Dù vậy nàng vẫn đẹp và có lẽ vì thế nàng càng dịu hiền. Hấn tiếp tục hôn lên má nàng, vừa hôn vừa âu yếm nói khẽ: “Thế này đủ rồi em ạ, đừng bắt anh phải theo nghi lễ được sẵn sóc nữa.”

Nụ cười của nàng tỏ ra bằng lòng cách âu yếm của hấn, nhưng khéo mắt thì rõ ràng phản đối việc hấn không muốn theo “nghi lễ được sẵn sóc”.

Để chiều nàng, hấn đành ra phòng khách đợi. Đúng giờ, đại diện công quyền tề tựu đầy đủ theo đúng nghi thức. Nàng từ phòng trong ra, khuôn mặt dịu hiền nhưng trang nghiêm. Nàng trịnh trọng gọi tên hấn theo đúng nghi thức. Nàng nhường lối và cúi đầu khi hấn bước qua phòng trong. Điều này càng đúng nghi thức.

Nghi lễ sẵn sóc bắt đầu do chính nàng bố trí và điều khiển. Người ta khiêng hấn đặt lên nệm trắng. Tiếng nàng ra lệnh cho những người phụ tá vẫn trang trọng và vẫn dịu hiền; tiếng nàng vừa lau vết thương vừa kêu thương xót xa cho người quý khách của đất nàng là hấn, đặt tới một nghệ thuật điều luyện. (Có lẽ vì nàng đã điều khiển phòng thuốc này và được thực tập vai trò này quá nhiều lần rồi!) Nàng lúc đó say mê thể nhập với vai trò của nàng y như người phù thủy say mê trong việc thể nhập hồn mình vào một xác chết và làm cho xác chết hoạt động lại như người sống. Nàng làm không ngừng: rửa vết thương, lau vết thương, xúc thuốc cho vết thương, băng bó cho vết thương; nàng nói không ngừng: ra lệnh những người phụ tá, an ủi, rên la xót xa cho hấn là thượng khách của dân tộc nàng.

Hắn nghiêng mắt kín đáo quan sát nàng và thấy rằng quả thực trên đời còn có những người thích lấy ngay cuộc đời làm sân khấu để mình đóng kịch, say mê với vai kịch mình đóng đến nỗi tin tưởng rằng cuộc đời chỉ có ý nghĩa vào lúc mình đóng kịch. Hắn nhớ khi nàng đứng sát bên hắn, rửa và chấm khô vết thương trước khi xúc thuốc, miệng không ngớt an ủi than phiền cho hắn, thì thực tình lúc đó hắn muốn luồn tay dưới lần vải váy, âu yếm vỗ lên mông nàng. Điều đó hắn phải gọi cảm hơn việc vừa đây hắn đã âu yếm hôn lên gáy rồi lên má nàng. Phải, lẽ ra hắn phải luồn tay dưới lần vải váy, âu yếm vuốt ve và vỗ khế lên cặp mông đầy đặn của nàng và nói: “Thôi đủ rồi em ạ. Hãy sống thực với mình đi em!” Không hiểu nếu hắn làm vậy sẽ ảnh hưởng gì tới nàng. Nàng có tỉnh khỏi vai trò nàng đóng và cười với hắn nụ cười đồng tình như khi nãy hắn hôn lên cổ, lên má nàng? Hay nàng vẫn say mê bay bổng với vai kịch nàng đóng, và hành động dục tình đó của hắn cũng sẽ vô dụng như nước đổ lá khoai?

Tuy nhiên ý tưởng trên cũng chỉ thoáng qua. Hắn vẫn nằm nguyên trên nệm trắng để làm một thành phần bối cảnh cho vở kịch nàng đóng. Hắn nhắm mắt lại để nghe rõ hơn lời than van điều luyện của nàng. Hắn chán chường cảm thấy cuộc đời thu lại thành mặt trống; và bi thảm hơn là chính người con gái hắn yêu, nàng vừa là mặt trống đó, vừa là dùi trống, lại vừa là người đánh trống!

*Phần Hai*

ĐỈNH CAO  
VỰC SÂU





# INTERLUDE I



## GIÀN NHO

**K**hoảng đất rộng mênh mông của chúng tôi bỗng trũng xuống một khoảng giữa có bề sâu nên mênh mông hơn cả khoảng đất mang nó.

Trong vùng khoảng trũng xuất hiện một giàn nho. Giàn nho xanh um phía trước, một nhánh nho gầy gò bò ra phía giữa, một nhánh khác gầy gò hơn bò ra phía sau. Nhưng rồi tất cả giàn nho sẽ xanh tốt – tôi đoán thế.

Ông cha cấm chúng tôi không được thò tay vào khoảng trũng hư vô mà hái nho để mang vào cuộc đời những chua cay bất tận.

Làm sao lũ con cháu chúng tôi giữ được mãi không thò tay vào hái nho?

Tôi biến thành con bò mộng phi thân vào giàn nho, rơi xuống đáy hư vô.

Hàng ngàn vạn con sâu nho lúc nhúc ùa xuống bám đầy cơ thể đốt ruồng thịt xương tôi.

Rồi từ khoảng trũng hư vô nhô ra khỏi giàn nho một con sâu nho dài bất tận bò lên cuộc đời.

Và kể từ đấy những khùng khiếp chua cay theo đuổi kiếp người như hình với bóng.



## CHIỀU HỒI

**T**iết tháng bảy mưa dầm sùi sụt  
Toát hơi may lạnh buốt xương khô  
Nào người thay, buổi chiều thu  
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.  
NGUYỄN DU

**Khách** (dáng người cao lớn từ phương Tây lại vào lúc hùng đông ló rạng): Dạ xin cho chúng tôi gặp thi hào Nguyễn Du, tác giả Đoạn Trường Tân Thanh tức Truyện Thúy Kiều...

**Cụ già Việt Nam:** Ông tìm Người có việc gì?

**Khách:** Tôi đến xin Người niềm ý thức đau khổ!

**Cụ già Việt Nam** (lo lắng gãi khoảng mạng mỡ vô tình làm rớt ra một tờ hoa tiên cuộn tròn, vội cúi nhặt rồi mới uể oải hỏi khách): Ai xui ông đến xin Người cái đó?

**Khách** (thấy cụ già hỏi vậy rồi cũng chẳng thiết đời câu trả lời, mở tờ hoa tiên vừa đánh rơi, chăm chú đọc có vẻ say mê): Cụ đọc gì đấy?

**Cụ già Việt Nam** (ngước nhìn khách bằng đôi mắt sáng rất thanh niên và rất thành khẩn): Tôi đọc lại bức thư của tôi viết cách đây hai mươi năm.

**Khách:** Thưa cụ viết cho ai?

**Cụ già Việt Nam:** Ấy, cho nàng Kiều.

**Khách** (trợn tròn mắt): Ủa, thưa cụ để là thư tình?

**Cụ già Việt Nam:** Đích thị!

**Khách:** Cụ viết lá thư đó đã hai mươi năm nay?

**Cụ già Việt Nam:** Chính thị!

**Khách:** Và cụ vẫn giữ ở cặp quần từ thuở đó đến nay?

**Cụ già Việt Nam:** Chính thị!

**Khách:** Cụ không gửi?

**Cụ già Việt Nam** (trợn mắt, dáng phật ý): Cần gì phải gửi!

**Khách:** Thưa cụ, xin cụ làm ơn chỉ cho tôi được gặp thi sĩ.

**Cụ già Việt Nam** (nghiêng tai lắng nghe tiếng trai gái hát đối đáp nhau từ xa vắng lại, nụ cười và vẻ mặt muôn phần thích thú): Ông có nghe vắng vắng tiếng hát?

**Khách:** Dạ có!

**Cụ già Việt Nam:** Hát ví phường vải đấy ông ạ. Cách hát đối này là sản phẩm đặc biệt miền quê hương Nghệ Tĩnh chúng tôi.

**Khách:** Dạ, thi sĩ có mặt trong đó?

**Cụ già Việt Nam:** Người đương hát!

**Khách:** Ô thế tôi đến gặp Người lúc này không tiện.

**Cụ già Việt Nam:** Không sao, cuộc hát đối đã đến chặng hát MÔI và hát XE KẾT thế này thì cũng sắp kết thúc rồi. (Nghiêng tai lắng nghe rồi giải thích.) Vừa rồi là phe nữ hát THUONG, phe nam hát CUỐI, giờ đây đôi bên còn hát THAN, hát TRÁCH và hát TIỀN nữa là xong.

**Khách:** Dạ nếu vậy xin phép cụ tôi đứng đây chờ Người.

**Cụ già Việt Nam** (nghiêng mắt nhìn khách nghi kỵ nhưng giọng vẫn lễ độ): Ông đến đây không tuyên truyền gì hết, chúng tôi không cần biết ông theo chủ nghĩa gì, theo đạo gì. (Hướng về phía hát phường vải, nơi cáo nhà thơ dân tộc) Chúng tôi chiêm ngưỡng những thiên tài như vậy...

**Khách** (lắc đầu): Dạ không không, xin cụ chớ hiểu lầm, chúng tôi có đến đây để tuyên truyền chủ nghĩa hay đạo giáo gì đâu. Chúng tôi đã thưa với cụ là chúng tôi đến xin Người niềm ý thức đau khổ.

**Cụ già Việt Nam** (gật gật đầu chột nhớ ra): À phải tôi nhớ ra rồi, xin lỗi ông (có tiếng ồn ào). Kìa Người đã ra đấy.

*Vị đệ nhất thi nhân Việt Nam vội vã ra. Người con gái trẻ măng theo sau, dáng thon nhỏ, nói cười thân mật, có lắng lơ chút ít làm duyên.*

**Người con gái:** Không được, thiệp không muốn tiền sinh về hôm nay đâu.

**Nguyễn Du:** Gọi là tạm biệt thôi, ngày rằm tới tôi sẽ xin trở lại tiếp tục hát đối cơ mà.

**Người con gái** (nũng nịu): Lần trước tiên sinh cũng hứa vậy rồi không tới.

**Nguyễn Du:** Lần này tôi không dám sai hẹn nữa.

**Người con gái:** Thế thì tiên sinh phải để khăn áo lại làm tin!

**Nguyễn Du** (sờ lên khăn trên đầu, rồi sờ đến khuyết áo, dáng thoát tần ngần rồi khẽ gạt đầu): Vâng tôi xin để khăn áo lại.

*(Lật khăn nhiều tam giang và cởi chiếc áo the đen bên ngoài ra, bên trong còn chiếc áo dài lót bằng lụa màu vàng ngà.)*

Xin gửi nàng.

**Người con gái** (liếc nhìn và mỉm cười âu yếm, đỡ lấy khăn áo, giơ một vạt mỏng soi lên): Chính là tấm the năm ngoái thiếp dệt tặng tiên sinh chứ gì?

*Vừa đi trở vào vừa cất tiếng hát ngâm:*

“Chàng về cởi áo lại đây  
Phòng khi em nhớ cầm tay đỡ buồn”

**Cụ già Việt Nam** (tiến lên chào thi sĩ): Thưa tiên sinh, tôi đợi tiên sinh ở đây từ chập tối hôm qua.

**Nguyễn Du:** Xin tiên sinh cho biết có điều gì cần gấp?

**Cụ già Việt Nam:** Làng nhà tối mai lại diễn trò Kiều, kính thỉnh tiên sinh về chứng kiến cho.

**Nguyễn Du:** Vậy xin tiên sinh cứ về báo trước là tôi sẽ có mặt tại làng tối mai.



*Cụ già ra về, khách tiến lên, thi sĩ vẫn cúi đầu suy nghĩ về buổi diễn trò Kiều mà Người sắp được xem lại ở ngay tại quê hương Người. Nét mặt Người trầm tư biến đổi và Người khẽ cất tiếng ngâm hun hút âm thầm:*

Xập xoè én liệng lâu không  
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày  
Cuối tường gai góc mọc đầy  
Đi về này những lối này năm xưa.

**Khách:** Thưa tiên sinh chúng tôi có việc phải phiền đến tiên sinh.

**Nguyễn Du:** Ừ, chào ông.

**Khách:** Thưa tiên sinh chúng tôi có việc phải phiền đến tiên sinh.

**Nguyễn Du:** Xin ông cứ chỉ giáo cho.

**Khách:** Chúng tôi đến xin tiên sinh niềm ý thức đau khổ.

**Nguyễn Du:** ... ?

**Khách:** Nguyên vì để tránh một cuộc chiến tranh tận thế, cả hai phe chúng tôi cùng bày tỏ sự thành tâm bằng cách hợp sức các kỹ thuật gia về không gian, về âm thanh, về ánh sáng để đúc một cái chuông khổng lồ như một trái núi nhỏ. Hình ảnh hùng vĩ và âm thanh hiền hòa của cái chuông hàng ngày sẽ được kỹ thuật tuyệt hảo của chúng tôi cùng một lúc truyền đi khắp hoàn vũ thay cho hình ảnh chim bồ câu trắng đã bị ô uế quá nhiều.

**Nguyễn Du:** Thế còn vì sao...

**Khách:** Xin tiên sinh cho phép tôi kể tiếp: Các kỹ thuật gia của chúng tôi đã nhiều lần hoàn thành việc đúc

xong chuông. Kỹ thuật truyền hình và kỹ thuật phân phối âm thanh kể ra vừa đủ để gọi cảm, nhưng tất cả đều thất bại.

**Nguyễn Du:** Thất bại vì sao?

**Khách:** Thưa thất bại vì âm thanh tiếng chuông khi thì nghe như tiếng chuông rè, khi thì gay gắt chói tai quá sức. Chúng tôi tự biết dù có đúc lại trăm ngàn lần nữa thì thất bại vẫn hoàn thất bại. Kỹ thuật có thể phân phối đều âm thanh ở một cường độ theo ý muốn, nhưng kỹ thuật không thể biến hóa tiếng chuông gay gắt thành tiếng chuông hiền hòa.

**Nguyễn Du:** Vậy thế...

**Khách:** Chúng tôi phải tìm đến Hy Lạp, quê hương của thần thoại Tây Phương. Và chúng tôi đã rước tượng nữ thi nhân *Sappho* từ viện bảo tàng Le Louvre Pháp quốc về đặt giữa cảnh hoang phế của diễn trường *Dionysus* của thành Nhã Điển...

**Nguyễn Du (gật đầu):** Chúng tôi hiểu... để cầu xin giáng bút?

**Khách:** Dạ vâng; nữ thi nhân giáng bút khuyen chúng tôi tìm đến quý quốc chiêm ngưỡng niềm ý thức đau khổ, có thể nhiên hậu công quả chúng tôi mới có cơ thành tựu.

**Nguyễn Du (vấn trầm ngâm gật đầu):** Chúng tôi hiểu.

**Khách:** Chúng tôi vừa nhập cảnh quý quốc trình bày hết sự tình như vậy, thì quý đồng bào của tiên sinh chỉ đường cho chúng tôi tìm đến đây để gặp tiên sinh.

**Nguyễn Du** (lúc đó mới ngẩng lên nhìn khách cười rất hiền): Chúng tôi đã thông cảm với lời người bạn tri kỷ của chúng tôi ở phía trời bên đó, và xin chiều ý ông.

*Thi nhân vẫy một tiểu đồng ra, sai lấy giấy bút ghi thảo lên tờ hoa tiên hai câu thơ rồi khẽ ngâm:*

“Chàng về cởi áo lại đây  
Phòng khi em nhớ cầm tay đỡ buồn.”

**Khách** (giơ tay đỡ lấy tờ hoa tiên thi nhân trao cho): Thừa phải chăng đây là lời thơ của thiếu nữ vừa tạm biệt với thi sĩ khi nãy?

**Nguyễn Du**: Có thể là lời thơ của nàng, có thể là thơ của tôi, có thể là lời thơ của một đồng bào nào của chúng tôi. Ông đến xứ sở của ca dao mà!

**Khách** (cúi đầu kính cẩn): Dạ chúng tôi hiểu.

**Nguyễn Du**: Xin ông về đốt chất thơ của tờ hoa tiên hòa vào với chất kim nung chảy trước khi đổ vào khuôn. Như vậy là để làm phép thời, sự thực ý lực chúng tôi luôn luôn hướng về phía các ông, điều này mới quan hệ, chúng tôi là những người thành tín, thưa ông (hơi ngược mắt nhìn, hình ảnh nữ thi sĩ *Sappho* như chập chờn phía trước). Chúng tôi thông cảm nhiều lắm với lời người bạn tri kỷ của chúng tôi ở phía trời bên đó!

*(Màn bắt đầu từ từ hạ.)*

**Khách**: Xin bái lỉnh. Đa tạ thi sĩ và xin bái biệt thi sĩ.

**Nguyễn Du**: Xin bái biệt, xin bái biệt, chúng tôi chờ tiếng chuông của quý vị. Chúng tôi chờ...

MÀN HẠ HẸN



# GIẤC MỘNG SẦU (VỞ KỊCH SẦU)

*Vở kịch này nếu dựng lên sân khấu đài vô tuyến truyền hình, xin dùng đúng từng bản nhạc (nhạc dân ca, nhạc Phạm Duy và bản Quốc Tế Ca)*

**Mở màn:**

## CẢNH 1

*Người mẹ đang đi quanh trong phòng tìm một vật gì; thằng bé chừng sáu tuổi cứ lún cùn đi quẩn lấy chân mẹ, giọng cần nhần một cách rất dễ thương.*

**Thằng bé:** Mẹ e ẹ...

**Người mẹ:** Gì mà cứ cần nhần hoài từ nãy đến giờ?

**Thằng bé:** Anh Quang sướng quá à, được viết thư cho bố hôm qua.

**Người mẹ:** Ai bảo lúc đó con đi chơi, ai mà đợi được?

**Thằng bé:** Mẹ e ẹ...

**Người mẹ:** Cái gì?

**Thằng bé:** Anh Quang sướng quá à...

**Người mẹ:** Giời oi... Lại đây ông, mời ông lại đây.

*Người mẹ lấy ra một tờ giấy trắng, dùng thước kẻ và bút chì kẻ vội mấy dòng, trong khi đó thằng bé mỉm cười đắc thắng.*

**Người mẹ:** Bút đây. Ông viết thư cho bố ông đi, viết theo đúng dòng tôi đã kẻ cho đó.

*Thằng bé đứng cạnh mẹ viết ngay trên bàn chiếc máy may, cái miệng, cái đầu cùng đưa theo những nét chữ, miệng lẩm nhẩm đọc.*

**Thằng bé:** “Bố yêu quý con nhớ bố quá chừng bố không về thì con khóc bố ơi trong lớp con là hàm tiểu đó con làm toán cho bố xem  $3+4=7$   $4+5=9$   $2+6=8$   $6-3=3$   $8-4=4$   $7-2=5$  ký tên Nguyễn Đắc Minh.”

**Người mẹ:** Được rồi, đưa thư cho mẹ, chiều nay mẹ gửi ngay cho.

**Thằng bé:** Chứ con đẹp ác, mẹ ha?

**Người chú:** Chứ cháu chú thì nhất định đẹp rồi; ai mà địch nổi được với chữ của cháu!

**Người mẹ:** Chú về lúc nào mà cả hai mẹ con cùng không hay thế?

**Người chú:** Em về đúng lúc cháu viết thư. Thế nhưng mà này, “hàm tiểu” nghĩa là gì cơ thể cháu?

**Người mẹ:** Cháu Minh vào hạng khá trong lớp nên cô giáo gọi là “hàm tiểu”, còn hạng kém một chút là “mâm non”.

**Người chú:** Ô hô, thì ra thế.

**Người mẹ:** Tôi lo quá chú ạ, mặt trận chỗ anh đương đóng nặng lắm.

**Người chú:** Chị đừng lo, có phúc có phận mà, nhà mình âm đức dày!

**Người mẹ:** Thôi chú đã về thì trông nhà nhé, sáu giờ thì các cháu đi học về cả đấy, tôi có việc phải xuống phố mua mấy thứ, tiện thể bỏ lá thư này cho cháu. Anh vẫn thường nói là cho vàng cũng không bằng cứ đều đều nhận được thư nhà.

**Thằng bé:** Mẹ cho con đi với.

**Người mẹ:** Vâng, xin mời ông đi!

## CẢNH 2

*Người chú ngồi dựa lưng trong một chiếc ghế bành rộng, chân ghếch lên bàn, sách vở bừa bộn. Trời bên ngoài hẳn nhiều mây, căn phòng âm u thiếu ánh sáng, một cơn gió lùa qua cửa sổ lật tung một tờ lịch rộng. Nhạc một điệu dân ca tự đâu đây vắng tới. Tiếng sáo, tiếng nhị, tiếng phách hòa với nhau trong một nhịp buồn: Tiếng sáo than van, nức nở; tiếng nhị u sầu như bóng một người đơn độc đội nón đi vào trong sương chiều; tiếng phách như nhịp bước u hoài của thời gian. Tiếng hát cất lên hòa với nhịp nhạc. Lời ca thì dí dỏm mà nhịp nhạc thì vẫn man mác u sầu:*

“Duong cung mà bản, ư ư ư bản bản bản... con cò, tình bằng cò bay ư ư...”

*Vừa lúc người bạn vào.*

**Người bạn:** Cậu nghĩ gì vậy?

**Người chú:** Tôi nghĩ đến cuộc chiến tranh hỏa ngục kéo dài một phần tư thế kỷ trên đất nước bất hạnh này; tôi nghĩ đến những tên mang danh là đại trí thức, đại triết nhân, đại chính trị gia quốc tế, mỗi khi họ mở mồm ra phát biểu ý kiến về cuộc chiến tranh bản thổ này mà chúng ta phải gánh chịu cho cả thế giới an vui, giọng lưỡi họ bất nhân, vô ơn và ngu xuẩn một cách trịnh trọng. Họ xuất thân ở các đại học yên vui, dân tộc này xuất thân ở ngay sự sống hỏa ngục, học bằng xương máu và nước mắt của chính mình. Tôi đặc biệt quý mến một người bạn Nhật cùng học một trường với tôi ở ngoại quốc. (*Nhắm mắt tưởng tượng lại ngày đó. Hình ảnh xuất hiện cùng với lời người chú.*) Tôi gặp y lần đầu vào dịp cùng đoàn sinh viên trường du ngoạn trên hai ngàn thước cao của dãy núi sương khói *Smoky Mountains*. Chúng tôi thoát cùng yên lặng ngắm cảnh trời chiều ở khoảng cao này. Nhìn về phía North Carolina, thung lũng âm u; phía Kentucky, ánh vàng thoi thóp; đặc biệt khi quay lại Tennessee, cây rừng bóng in bật trên nền trời đương xẩm màu, những cảnh mềm khê lung lay theo gió như có bàn tay của đấng chí tôn vừa tới âu yếm xoa đầu tạo vật. Tiếng người bạn Nhật thủ thỉ nói với tôi trong bóng chiều chạng vạng đó. Anh nói anh ghét chiến tranh vô cùng; trong kỳ Đệ nhị Thế chiến vừa qua, cha anh chết ngoài chiến trường, anh anh chết đói, chính anh cũng suýt chết đói. Giọng anh buồn, thật buồn như xuất phát tự hư vô rồi lại chìm vào hư vô. Tôi mến anh ngay từ lúc đó. Rồi chúng tôi lẳng lặng chui vào *sleeping bag* ngủ. Nói thật ít mà niềm cảm thông thì chan hòa! Hôm sau lúc bùng mất dậy, núi rừng xung quanh tuyết đã lên phủ trắng xóa tự bao giờ,



nước đọng thành những giọt trên châu quanh mình, ai nấy tưởng như đang lạc vào một thế giới thần thoại mà lâu đài thành quách thấy đều làm bằng pha lê. Chính lúc đó anh bạn Nhật thủ thỉ tâm sự tiếp câu chuyện bỏ dở chiều hôm trước. Anh thú thực khi ra nước ngoài gặp người Việt Nam anh mới hay là người Việt Nam cũng đi học hành, cũng có trí thông minh như ai.

**Người bạn:** Ủa, sao kỳ vậy?

**Người chú:** Bởi thế hệ mới lớn lên của nước Nhật họ có biết gì về Việt Nam đâu ngoài những phim ảnh trên vô tuyến truyền hình hoặc trên báo chí.

**Người bạn:** Trời ơi!

**Người chú:** Mà xem TV, nhìn ảnh báo chí, họ thấy gì? Thấy cảnh ở chui rúc trong những túp lều dựng lên bằng cành cây, lợp bằng giấy báo; thấy cảnh chiến tranh tang tóc, mẹ ôm xác con, con ôm xác mẹ; thấy cảnh ông già bị trời quật khuỷu tay, râu tóc xác xơ, vải đen bịt mắt, rẻ nâu buộc miệng...

**Người bạn:** Trời ơi!

**Người chú:** Chưa hết đâu anh ơi, còn những tác giả “giàu sáng kiến” in một quyển tranh ảnh song song so sánh đôi miền, miền hỏa ngục của chúng và miền thanh bình của họ. Chẳng hạn một bên là ảnh người mẹ gày Việt Nam ôm đứa con mặt cháy phỏng vì bom *napalm*, thì đối xứng trang bên là cảnh bà mẹ Âu Mỹ âu yếm ôm con trên giường nệm trắng tinh, cả hai trang ảnh mang cùng một đầu đề “Ôm ấp”. Đối xứng với ảnh cụ già Việt Nam bị bịt mắt buộc miệng là ảnh vị bác sĩ Âu Mỹ cũng bịt miệng, tay đeo găng đang chăm chú làm công việc giải phẫu...

**Người bạn:** Họ cố tình bêu rếu mình ?

**Người chú:** Đó là cách họ sử dụng tự do đấy! Quả thực đây là một cuộc chiến tranh vô nhân đạo nhất thế giới từ xưa tới nay! Quả thực cuộc chiến tranh này bản thủ đến mức không thể nhân danh bất cứ cái gì mà biện minh cho nó được nữa!

**Người bạn:** Sau buổi đi chơi núi anh vẫn gặp người bạn Nhật của anh?

**Người chú:** Chúng tôi trở thành bạn thân từ đó. Cho đến ngày tôi về nước, người bạn Nhật kể lại cho tôi hay là anh đã hai lần viết thư về nước nói về những người Việt mà anh gặp, nhưng các bạn anh ở Okinawa – quê anh ở Okinawa – cương quyết không tin và cho là anh nói dối.

**Người bạn:** Trời ơi!

**Người chú:** Câu chuyện thực đã thâm thúy, đêm đó về phòng tôi còn mơ một giấc mơ kinh khủng hơn, bây giờ nghĩ lại còn toát mồ hôi lạnh.

**Người bạn:** Anh mơ thấy gì vậy?

**Người chú:** Tôi mơ thấy mình chết. Linh hồn tôi cùng vô số linh hồn khác nằm ngòai la liệt trong một căn phòng rộng. Tôi bỗng nhớ lũ cháu tôi vô cùng, lũ cháu của người anh thứ hai tôi ở Saigon đây, và lũ cháu của người anh đã chết trận trong thời kháng chiến hiện sống với mẹ ở một vùng giới tuyến. Tôi nhớ lũ chúng đến muốn ứa nước mắt, và linh hồn tôi vùng lên với ý định quyết liệt bay về nhìn chúng tại cả hai nơi. Nhưng thâm thúy chưa, linh hồn còn nặng nề hơn thế xác, bị chôn chân ở nguyên chỗ cũ như hệt một thân cây không

thể tự bung gốc mà cuốn lên theo gió. Tôi chợt cảm thấy lòng tràn ứ chua xót, vì như vậy là cho đến muôn đời... muôn đời về sau tôi không còn được thấy mặt lũ cháu thân yêu nữa, linh hồn tôi sẽ biến thành thứ đá vọng phu chôn chân một chỗ hướng vọng về cố hương. Tôi khóc rống lên thê thảm như mỗi lần mơ thấy mẹ chết. Và tôi bùng tỉnh dậy. Thật là hú vía! Sự sống quý quá anh ơi!

*Im lặng. Đôi mắt người chú lim dim. Người bạn vừa toan rón rén rút lui, thì tiếng người chú cất lên êm nhẹ như vẳng lại từ một thời gian xa xôi nào, từ một không gian vợi vợi nào.*

**Người chú:** Ngày tôi lên đường về nước, người bạn Nhật bịn rịn tiễn tôi ra tận phi trường bằng xe của anh. Trước khi đi anh bẻ một cành hồng *rose of charon* tặng tôi, tôi cũng bẻ một cành *crepe myrtle* tặng lại.

*Một bản dân ca khác tràn vào. Tiếng sáo véo von óng chuốt như cô gái vừa tới tuổi xuân; tiếng clarinet ấm như giọng chàng trai tới ước hôn nàng làm vợ. Lời ca cũng vừa cất lên. Đó là bài “Hát Hội Trăng Rằm”:*

Trèo lên quán dóc  
Ngồi gốc (ối a) cây đa  
Rằng tôi lý (ối a) cây đa.

.....

*Người chú như lim dim ngủ, người bạn rón rén ra khỏi phòng. Người chú đi sâu dần vào giấc ngủ cùng với bài dân ca kế tiếp:*

Nước chảy bon bon  
Con vượn ôm con

Lên non hái trái  
Anh cảm thương nàng  
Cô gái mồ côi

...

*Có những bước chân háp tấp cùng với nhịp nhạc. Lũ cháu lớn trai có, gái có vừa đi học về tới nhà. Đứa đi đầu thấy chủ ngủ bèn quay lại, một ngón tay để lên miệng “Suyt”, cả lũ ren ren bước lẹ vào trong rồi lên thang gác.*

*Ánh nắng xa xôi nào vàng úa hắt vào căn phòng. Người chủ bắt đầu đi vào một giấc mộng sâu, mơ thấy mình tới vùng quê hương khói lửa có nhà người anh cả trước đây đã chết trận Điện Biên Phủ. Tiếng đại bác chiến trường vang dội đầu đây... Người chủ lững thững từ xa đi lại, diềm trước cổng tre xiêu vẹo, đưa mắt nhìn hàng giậu tiêu điều. vùng cây cỏ không xa hàng giậu còn ghi dấu vết của bom đạn, màu cỏ vàng úa, những thân cây cháy đen. Tiếng hát bài “Cây Trúc Xanh” văng tới:*

Cây trúc xinh tang tình là cây trúc mọc  
Qua lối nọ như bờ ao  
Chị Hai xinh tang tình là chị Hai đứng  
Đứng nơi nào qua lối như cùng xinh

...

*Tiếng hát trong vắt vẻo, trời xanh và nắng vàng như sà xuống ôm lấy vùng cây cỏ cháy sém bên hàng giậu xác xơ để an ủi vỗ về. Người chủ đã bước vào vùng sân cỏ trước căn nhà tranh vắng ngắt. Người chủ vừa nhắm mắt hai tay ôm lấy mặt thì cảnh nước ngoài thanh bình xuất hiện, đôi cỏ xanh mượt, lũ trẻ tóc vàng trai có, gái có, đương rượt nhau vui đùa nô giỡn. Có tiếng lũ trẻ ồn ào. Người chủ buông tay ngừng nhìn. Trên con đường cỏ cháy sém,*

*hai đứa cháu sinh đôi một trai một gái đương cùng lũ trẻ hàng xóm chạy lại. Lũ trẻ này cũng trai có gái có, nhưng mặt mũi hốc hác cơ cực, cỡ tuổi khoảng từ tám đến mười hai. Hai đứa cháu và lũ trẻ hàng xóm đã quây xung quanh người chú, tung búng.*

**Người chú:** Trời ơi, ai bảo các cháu chơi trên con đường đó. Các cháu không nhớ hôm nọ mình nổ sao?

**Đứa cháu trai:** Chú ơi, hôm nọ anh Hoàn cháu đi học về được chứng kiến mình nổ trên đường nhựa. Mình nổ đúng lúc chiếc xe nhà binh chở bốn quan tài lính qua. Bốn chiếc quan tài cùng bật tung bốn nắp và bốn xác người bắn ra lăn lông lốc.

**Người chú:** Đúng rồi, chú có biết tin, và các nhạc sĩ, văn thi sĩ nước ta gọi vụ thê thảm đó là “người chết hai lần” đó các cháu ạ. À này, thế anh Hoàn cháu giờ này vẫn chưa đi học về sao?

**Đứa cháu trai:** Thưa chú cũng sắp rồi ạ.

**Đứa cháu gái:** Anh Hoàn cháu đã về kìa, chú.

*Hoàn, đứa con trai mới lớn, mười sáu tuổi, nhưng khuôn mặt sớm u trầm như muôn ngàn khuôn mặt trẻ khác ở khắp các ngã đường đất nước và đặc biệt ở những miền giới tuyến.*

**Hoàn** (một tay vẫn xách cặp, một tay khoanh lại): Chú ạ.

**Người chú:** Cháu đã đi học về! Cháu vào cất sách đi, rồi ra đây nói chuyện với chú.

*Đứa cháu gái bỗng chạy lại kéo người chú vào trong nhà, chỉ vào một bàn thờ nhỏ đóng trên tường gian bên.*

**Đứa cháu gái:** Chú ơi, sao ảnh anh cháu lại không được đặt bên ảnh cha cháu?

**Người chú:** Vì anh cháu chết trẻ quá không được đặt lên bàn thờ ngang hàng với ông bà ông vải cháu ạ. Ngày cha và anh cháu chết, hai anh em sinh đôi cháu hãy còn nằm gọn trong bụng mẹ.

**Đứa cháu trai** (lúc đó đã có mặt bên đứa em gái):  
Cha cháu là tiểu đoàn trưởng phải không chú?

**Người chú:** Đúng! Cha cháu chết rất anh dũng ở mặt trận Điện Biên Phủ.

**Đứa cháu gái:** Còn anh cháu chết ở đâu?

**Người chú:** Anh cháu năm đó vừa mười tám tuổi, xin nghỉ học xung phong đi dân công lần đầu, cùng một mặt trận với cha cháu, nhưng mong hai cha con có thể gặp nhau.

**Người mẹ:** Thế cũng là gặp nhau chứ sao!

**Người chú:** Kìa chị, chị về lúc nào thế?

*Lũ trẻ hàng xóm đang chơi ngoài sân bỗng xông vào chạy tán loạn.*

**Người mẹ:** Cái gì vậy? Cái gì vậy?

*Hai người mặt mày tham những bước vào, mỗi người nắm một bả vai Hoàn, thằng bé lớn.*

**Người tham những 1:** Chúng tôi tới bắt lính, thằng này vừa mười tám tuổi!

**Người mẹ:** Van các ông, tội nghiệp, các ông làm rồi, cháu nó mới có mười sáu.

**Người tham những 2:** Phải có cái gì chúng tỏ nó mười sáu tuổi chứ!

*Người mẹ lần hầu bao, dốc hết số tiền đựng trong đó ra, đặt lên hai bàn tay chụm sát của hai người tham nhũng. Cả hai đồng thời buông tay cho thằng bé tự do rồi đi thẳng vào vườn dâu ngay bên nhà, điềm nhiên ngồi xuống... đại tiện.*

**Người chú:** Chị đừng buồn phiền, cứ để mặc họ làm vậy, rồi mua xuống, tất cả đều tan biến, ngắm xuống màu đất.

### CẢNH 3

*Giọng ca bài “Ngày trở về” vọng lại thoát mơ hồ rồi rõ dần: “Ngày trở về, anh bước lê trên quăng đường đê đến bên lũy tre...” Thoáng hiện hình ảnh những người lính bị thương chống nạng trở về, những người lính bị thương chống nạng trở về, những gương nước ao gợn sóng, những lũy tre già xao xuyến trong gió, những bà mẹ tóc bạc chống gậy lật đật, những người vợ trẻ bước chân tai vẹo. Vẻ tung bừng bỗng đượm màu tuyệt vọng, vì những hình ảnh đó tan biến ngay. Người chú đã ra đứng giữa sân, người mẹ còn đứng trong nhà. Tiếng ca bài “Ngày trở về” vang lên càng rõ và càng náo nức. Người mẹ tự trong nhà chạy bỏ ra sân.*

**Người mẹ:** Chú trông kia, có phải cháu nó về không?

*Một hình người từ xa bước tới, nhưng khi tới gần bỗng biến thành áng mây khói tan loãng rất nhanh trong một thứ gió chiều vùn vụt như thứ gió thổi qua bãi tha ma. Người mẹ ôm mặt. Lại bóng một người khác xuất hiện từ xa đi lại.*

**Người chú:** Chị ơi, chị trông kìa, ai như...

**Người mẹ:** Trời ơi, anh về, chú! Anh còn sống! Đúng rồi, chính anh. Ra họ đồn hão hết. Đúng rồi các con ơi, cha các con đã về kìa, các con ơi... Để tôi phải hủy những cái kia đi. Thì ra họ đồn láo hết.

*Người mẹ chạy vào nhà gạt hai tấm ảnh thờ người cha và người con xuống đất, tiếng kiếng rơi vỡ loảng xoảng. Có tiếng đuổi nhau huỳnh huỵch bên ngoài. Người mẹ ngó ra thấy người cha đang đuổi riết đứa con mười sáu tuổi.*

**Người cha:** A thằng này láo, cha mày về mà mày chạy trốn à? Mày có biết tao là cha già của mày không. Mày chạy sao thoát nổi tay tao con ơi. A a, nó chạy vào buồng chứa ngô khoai. Con ơi, chạy vào đấy là cùng đường rồi con ơi.

*Người cha một tay cầm roi tre, một tay cầm chiếc chày nháy xổ vào buồng. Mọi người hốt hoảng ủa vào theo. Tiếng súng trận lớn nhỏ đủ cỡ đâu đây rất gần vang dội lại. Người con chui kín vào một bao tải lẩn sau một cái bừa. Người cha dùng roi tre luồn vào quạt túi bụi, hễ đứa con nhô đầu hay nhô đít ra khỏi cái bừa người cha lập tức giáng cho một chày, miệng luôn luôn gầm thét: “Cha già của mày về mà mày chạy trốn à?!” Không khí kinh hoàng chụp lấy mọi người trong tiếng roi tre vùn vút và tiếng chày giáng nặng nề. Người chú bỗng thấy thằng cháu lẩn trong bao vải nằm bẹp xuống, khoảng mặt nó biến thành hình chiếc phong bì lớn; một hình vuông màu đỏ lọt trên chiếc phong bì tượng trưng cho cái mồm bên trong của nó; hình vuông đó thoạt còn động đậy nhưng rồi mím lại dần và sau cùng bất động.*

**Người chú:** Anh đánh chết nó rồi còn chi. Chị ơi



lại đây giúp tôi một tay bế cháu ra sân. Các cháu ơi, mỗi đứa giúp chú và mẹ một tay, mau lên.

*Đứa con trong bao tải đã được khiêng ra sân. Một thành sương trắng dâng lên bao quanh một làng xa, thoáng bóng một con sông nhỏ hiu quạnh và bản bách với bãi cát trắng. Tiếng người mẹ luôn luôn rền rĩ trong tiếng súng trận lớn nhỏ vang rền.*

**Người mẹ:** Con ơi, ơi con ơi, ơi làng nước ơi, ơi ông chú bà bác ơi, lại cứu con tôi!...

*Có tiếng cười rùng rợn vang lại. Một khuôn mặt quỷ quái ác xuất hiện trên sườn đồi. Quần áo người cha và mặt nạ người cha vút ở dưới chân đồi.*

**Khuôn mặt quỷ:** Ha ha, chúng bay mắc mưu tao rồi; tao không phải là cha đứa trẻ, tao là “cha già dân tộc” kia! Ha ha, lũ bay, tấu nhạc!

*Bản “Quốc Tế Ca” lập tức được tấu lên, màu sắt lửa ròn ròn tô đậm vẻ rùng rợn cho tiếng súng trận lớn nhỏ đang vang rền. Hình ảnh một chiếc xe đồ bị mìn tung lên với xác một bà mẹ chết rồi mà vẫn còn ôm chặt lấy đứa con thơ; hình ảnh một người cha ôm con chạy vội xuống một khoảng trống ven đường quên mình đã bị thương; máu từ trán nhỏ xuống ròng ròng theo bước chân; hình ảnh cả một gia đình chạy vội ra chiếc hầm đào ở giữa sân, nhưng mọi người chỉ vừa tới miệng hầm thì tiếng réo trái phá rồi tiếng nổ ầm và cả gia đình tung xác tóe ra bốn ngả như một bè nứa bị vỡ giữa một con bão biển tàn bạo... Đêm đã buông tấm màn mênh mông phủ lấy vạn vật, hỏa châu bắn lên liên tiếp soi sáng một vùng. Dưới ánh hỏa châu các ông chú bà bác đã tắt tuổi từ các ngõ xóm chạy lại, kéo thành bé ra khỏi bao tải xóc nách nó lên. Cả người nó đẫm máu tươi,*

răng gãy, lưỡi đứt, chân và tay lủng lảng. Mọi người đặt nó nằm lên một chiếc chõng tre. Những hỏa châu liên tiếp, liên tiếp, được phóng lên để soi sáng.

**Khuôn mặt quý:** Ha ha lũ bay, tấu nhạc mạnh hơn nữa cho máu chảy về đây mà kẻ khẩu hiệu!

*Tiếng “Quốc Tế Ca” cực lớn. Quả nhiên tiếng nhạc như biến thành một sức hút hung hãn và máu từ các ngã chiến trường chảy về thành những con suối, tụ lại thành hồ dưới chân đồi.*

*Người chú chạy vào trong nhà lấy ra một miếng bông đặt lên mũi người cháu, miếng bông còn phập phồng. Người mẹ càng rên rỉ thê thảm.*

**Người mẹ:** Con ơi, ới con ơi...

**Người chú:** Cháu còn sống chị ạ, chị đừng khóc nữa, hãy bình tĩnh.

**Người mẹ** (bỗng trở thành gày tọp và xanh lét, vẫn rên rỉ): Con ơi, ới con ơi.

*Các ông chú bà bác tới tấp lau chùi máu, giã thuốc dẫu, đắp thuốc dẫu lên khắp mình đứa trẻ bị thương và bắt đầu đắp lên khuôn mặt giập nát của nó.*

**Khuôn mặt quý:** Lũ bay, kẻ khẩu hiệu! Ha ha, khẩu hiệu cứu quốc!

*Dưới ánh hỏa châu rực rỡ những suối máu vẫn từ các ngã chảy về tới tấp, hồ máu dềnh lên, muôn vàn biểu ngữ được căng ra, những dòng khẩu hiệu bằng máu tươi được trưng lên từng bưng: “NỘI CHIẾN CỨU QUỐC.”*

**Người mẹ** (càng gầy và xanh, tiếng rên rỉ yếu thoi thóp): Ới con ơi là con ơi...

**Người chú:** Chị ơi, hãy tỉnh dậy, chị, cháu hãy còn sống mà..

*Đứa cháu gái đứng bên chú bỗng biến thành đứa trẻ ăn mày, đầu tóc rối bù mặt mũi lem luốc hốc hác, quần áo rách tơi tả.*

**Đứa cháu gái:** Cô chú có biết không, cháu hết tiền rồi, cháu làm sao mà có tiền để nuôi mẹ cháu, cô chú có tiền không, nếu mà cô chú có tiền thì cô chú hãy cho cháu đi để cháu nuôi mẹ cháu.

*Khuôn mặt đứa con gái trắng bệch và mờ đi vào ánh hỏa châu rực rỡ. Hàng ngàn tám biểu ngữ “NỘI CHIẾN CỨU QUỐC” đã được viết xong và đang tiếp tục viết nữa. Biểu ngữ chi chít căng cao trên đầu đám đông bộ hạ của tên ác quỷ; biểu ngữ cắm chi chít quanh hồ máu; biểu ngữ cắm lan ra giữa hồ máu, ánh máu rung rinh đỏ rợn dưới ánh hỏa châu và phản chiếu ngược lại những dòng chữ máu “NỘI CHIẾN CỨU QUỐC”. Có những dòng khẩu hiệu máu đã khô chuyển sang màu tím đen; có những dòng máu vừa đặc quánh màu đỏ thẫm; có những dòng biểu ngữ mới viết, máu tươi còn lỏng nguyên tự lại thành những giọt đỏ long lanh, lã chã rụng xuống như những giọt nước mắt tử sĩ thương nhớ những người thân còn trên dương gian. Khuôn mặt quỷ cất tiếng cười ha ha, đôi mắt sáng quắc long sòng sọc, râu tóc bạc của nó ánh màu máu trở thành một màu râu ngô quái đản. Hỏa châu liên tiếp phóng lên không trung để tô đậm màu tối đen của những kiếp người bị đẩy ải trong hỏa ngục nội chiến. Súng đủ cỡ lớn nhỏ cùng plastic nổ vang rền như một thứ pháo tét để giễu những kiếp người đã từ lâu quên khuấy mùa xuân.*

*Một tia chớp nữa lóe sáng, nhưng lần này không có*

*tiếng súng, trái lại một tia nắng vàng bùng lên, một màu  
vàng buồn thảm. Cảnh phòng học cũ xuất hiện: Người chú  
vừa hốt hoảng vùng đứng dậy khỏi chiếc ghế bành, hai tay  
còn ôm lấy mặt bàn hoàng.*

*Trong khi đó thì...*

**MÀN TÙ TÙ HẠ**

*Phần Ba*

MẮI NẠ



# INTERLUDE II





## NGƯỜI BAY

Nhiều người, rất nhiều người đứng đó cùng ngẩng đầu nhìn lên vòm cây và tiếng xì xào:

*Người bay! Người bay!*

Tôi cũng ngẩng lên nhưng chỉ nhìn vào khoảng lưng chừng nhận thấy có một con chim như chim họa mi cánh vàng ó, nó vừa thoăn thoắt nhảy dỗi chiều trên một chạc cây lớn vừa hét làm quảng cáo:

*Người bay! Người bay!*

Tôi đi thẳng vào miếng đất vuông; mẹ tôi đứng đó. Người cũng ngẩng đầu nhìn lên như mọi người để nhìn:

*Người bay! Người bay!*

Tôi rời khỏi miếng đất vuông đi vào một vùng tối sừng sững chắc vì có núi cao vôi vọi và dựng đứng đổ bóng xuống, có thể là tôi sẽ leo lên núi đó. Tôi chột quay lại, muốn nhìn thêm một lần nữa con chim họa mi (hay chim vẹt) có màu cánh vàng ó để trông và nghe nó làm quảng cáo:

*Người bay! Người bay!*

Toàn thân tôi bủn rủn vì khi vừa ngẩng đầu lên, tôi nhận ra ngay trên vòm cao, khoảng đỉnh đầu một người cười cổ một người; nó vừa nhún nhảy làm đu đưa cả khoảng lá cành, vừa chăm chăm nhìn tôi, nó sẵn sàng chụp xuống quắp lấy tôi bất kỳ phút giây nào. Nó chính là:

*Người bay! Người bay!*

Nó sẵn sàng chụp xuống quắp lấy tôi làm mồi! Nụ cười đầy nham hiểm ngạo mạn phảng phất trên môi. Vì nó biết tôi đã vào tử địa rồi chẳng tài nào thoát khỏi. Cái nhìn chăm chăm của nó hút chặt mọi ý nghĩ của tôi. Ôi, nó chính là:

*Người bay! Người bay!*

Tôi không nhìn thấy đôi cánh nó đâu, sao gọi là người bay? Nó quắp lấy cổ một người khác để nhún nhảy trên cao như thể hình thù nó vẫn vậy, nụ cười đầy ngạo mạn trên môi không dứt. Nó biết một khi đã lâm vào tử địa làm sao tôi thoát khỏi. Nó chính là:

*Người bay! Người bay!*

Tôi nhớ mẹ tôi đứng đầu đó phía trước, tôi chỉ việc vùng chạy vượt lẹ, rất lẹ qua mấy chướng ngại vật là tới bên người để sẽ hét lên:

*Mẹ ơi! Người bay! Người bay!*

Tôi biết khi đã đứng bên mẹ thì người bay chẳng còn nguy hiểm gì nữa. Nhưng muộn rồi, chân tay tôi bủn rủn không sao chạy được tới bên mẹ. Người bay bén như gươm treo cổ, tôi chỉ khê cát bước là nó chụp xuống liền. Mẹ chỉ trong gang tấc mà sao cách trở ngàn trùng, vì giữa tôi và mẹ đã là *Người bay! Người bay!* mất rồi.

Ồi nụ cười đầy ngạo mạn phảng phất trên môi  
con quái vật đương nhún nhảy trên đỉnh đầu và chăm  
chăm nhìn tôi kia, nó chính là:

*Người bay! Người bay!*



## CHIẾC BÌNH

**T**rong khu đại học F.S.U. (Florida State University) tại Tallahassee, thủ phủ Florida.

Chiều ngày thứ Bảy 18-2-1967 tôi từ khu trại đại học qua con đường lớn sang tiệm bên đó mua mấy thứ cần dùng. Tờ Newsweek mới toanh bìa đề ngày 20 -2-1967, có hình “bác Hồ” râu tóc bạc phơ đeo kính gọng đồi mồi, dòng chữ đen chéo trên một sọc nền vàng “Hy vọng Hòa bình” (The chances for Peace), dòng chữ vàng bên dưới trên nền bìa xanh đen: “Hanoi’s Ho Chi Minh.”

Tất nhiên tôi mua tờ báo về để xem viễn tượng hòa bình xú sở đau thương của mình ra sao. Chẳng biết tờ báo này các bạn tôi ở Saigon sẽ được đọc vào ngày nào, riêng tôi ở đây đã được đọc nó hai ngày sớm hơn, như dòng ngày tháng ghi ngay trên đầu bìa.

Đọc hết khoảng mười trang nói về “The Chances for Peace” của “the War in Việt Nam”, đọc thêm “Out of the Woods”: Tin nữ ký giả Pháp Michèle Ray bị Việt Cộng bắt rồi phóng thích.

Tôi gấp tờ báo lại ngắm “Bác” một lần nữa: Râu tóc bạc phơ, kính trắng gọng đồi mồi!

Ba tháng trước đây, hồi còn ở Washington, tôi có đến ăn cơm tối ở nhà một người bạn cũ. Trước khi ăn, trong khi ăn và sau khi ăn chúng tôi chỉ có một đề tài: Dân tộc mình với thảm họa chiến tranh kéo dài hơn hai mươi năm rồi! Tất nhiên phải nhắc đến vị “cha già dân tộc”.

(Tôi nhớ đến một bạn văn, trong một bài nhàn đàm trước đây của anh, có nói đến con người mỗi lần đau thương thường gọi mẹ. Gọi mẹ thôi chứ những “cha già dân tộc” thì chẳng ai dám gọi!)

Anh bạn tôi có nhắc đến cách “Bác” dùng chữ tuyệt khéo – “Bác” dùng chữ thì khỏi phải nói! – Đó là khẩu hiệu “Bác” nêu lên để thoa son vẽ phấn cho chính sách xâm nhập và phá hoại miền Nam này: “CÙNG CỐ MIỀN BẮC, CHIẾU CỐ MIỀN NAM!”

Tôi còn nhớ như in tiếng cười khan mĩa của anh bạn khi anh nói: “Chiếu cố! Cắt cổ mổ bụng mình đó cũng là chiếu cố (như những bức hình mà mình đã in ra hàng triệu tấm để thả xuống trình bày cùng đồng bào miền Bắc), đặt mìn nổ chậm giữa thành phố, đó cũng là “Bác” chiếu cố; súng ống chuyên chở vào miền Nam để bắn giết cũng là “Bác” chiếu cố, đào đường phá cầu, giật mìn xe hỏa (thuần dân chúng sử dụng) cũng là “Bác” chiếu cố; chuyên viên Nhật hùng hục tới xây dựng mấy năm trường đập Đa Nhim để cung cấp điện lực cho dân chúng miền Nam, đập vừa xây xong, vị “cha già dân tộc” bèn lập tức chiếu cố, và những cột dây bê thế cao ngất nhấp nhô theo đường đồi núi chỉ còn là những “bông hoa” trang trí hữu sắc vô hương.

“CÙNG CỐ MIỀN BẮC, CHIẾU CỐ MIỀN

NAM!” thật là tấm nệm vừa ấm lại vừa êm cho lương tâm thanh thoi an nghỉ sau mỗi chiến công có thịt roi, máu đổ, xương phơi.

Miền Bắc, Đảng và “Bác” tổ chức kiểm soát chặt chẽ nhưng kia thì không củng cố cũng đã chắc nịch rồi huống chi lại còn củng cố nữa. Còn chiếu cố miền Nam với phương châm, với sách lược “con người cũng chỉ đơn thuần là phương tiện” thôi, thì còn gì dễ hơn. Và miền Nam có những nạn nhân bị cắt cổ, mổ bụng. Và miền Nam có mìn nổ. Và miền Nam có tiếng súng. Sự chết thường xuyên bao phủ lấy ruộng xanh đồng bằng sông Cửu Long, và sự chết bao phủ lấy đồi, lấy núi, lấy thung lũng miền cao nguyên, và sự chết bao phủ lấy miền duyên hải. Vì tất cả đều đã được “Bác” chiếu cố.

Nắm vững lấy căn bản “người cũng chỉ là phương tiện” thì thật không gì sáng khoái cho bằng hai bàn tay ở trên nắm vững lấy trật tự miền Bắc đương được củng cố, và hai chân bên dưới tùy hứng thuận tiện hoặc đạp, hoặc đá, hoặc nghiền nát dưới gót giày từng khoảng của miền Nam được... chiếu cố.

Nhưng cái gì đầy thì đổ! Hình như định luật muôn đời của con người, của vũ trụ là vậy. Con người luôn luôn làm trò xiếc đi trên dây... đi trên dây của sự biến động, và vũ trụ luôn luôn là môi trường của biến động. Vì vậy có gì đầy mà không đổ đâu.

Có lần – có lẽ là chịu sự tác động của tiềm thức – tôi nói với một người ngoại quốc khác khi ông ta nói đến viện trợ Hoa Kỳ “đổ” sang các nước chậm tiến. Tôi nói: “Thưa ông, quan niệm của người Á Đông chúng tôi (ông ta là người Tây phương), cái gì đầy quá tất đổ, ông

ngiên cứu về sử, ông hẳn thấy định luật ấy thể hiện ở sự thăng trầm của biết bao nền văn minh trước đây. Cho nên tôi nghĩ rằng người Mỹ họ phải gánh những của đó mà tống khứ đi gấp là phải lắm. Họ cứ thử giữ lại xem, họ sẽ bị lật nhào ngay vì tai họa!”

Nói xong tôi cười lớn. Ông ta cũng cười. Có thể là người nói và người nghe mỗi người hiểu một cách.

“Cái gì đây tất đó!” Tôi luôn luôn nghĩ vậy.

Sau Điện Biên Phủ, “Bác” cho ký hiệp định Genève lấy dòng sông Bến Hải làm ranh giới chia đôi. Cái bình vừa đây! “Bác” về tiếp thu Hà Nội cho lập một tốp lều tranh ở ngay bên Bắc Bộ Phủ mà ở. Thật câu chuyện – với những người trong cuộc – đẹp còn hơn cả gấm thêm hoa, đẹp hơn cả những tiểu thuyết trung, hiếu, tiết, nghĩa, đẹp nhất của Á Đông. Nhưng với số người đứng ngoài cuộc thì họ nhìn trò hề mái nhà tranh của “Bác”, họ nhìn chế độ của “Bác” khách quan vô cùng. Họ thấy rằng cái bình của “Bác” đã dềnh rồi, đã nghiêng rồi.

Chính trong căn nhà tranh “thanh đạm” bên hông Bắc Bộ Phủ đó, “Bác” nghĩ được ra khẩu hiệu tuyệt vời, như người đảm đang may được cho con (con đây là Mặt trận Giải phóng miền Nam sau đó) tấm áo đẹp mặc Tết: “CÙNG CỐ MIỀN BẮC, CHIẾU CỐ MIỀN NAM.”

Và “Bác” chiếu cố miền Nam! Và cái lọ đầy đã đổ thật và thật đổ, chỉ điều thâm thảm cho đất nước này là nó đổ lên đầu người dân miền Bắc, nó đổ lên đầu người dân miền Nam. Người dân hai miền thắt lưng buộc bụng đắp đường, xây cầu, dựng nhà máy, người dân hai miền làm gì nên tôi mà phải hứng chịu sự đổ lên đầu đó?



Một cụ già miền Nam ở ruộng bị bắt ra bung, cụ đã được nghe lý luận chắc nịch: “Sau Thế chiến Một chỉ có nước Nga cộng sản, sau Thế chiến Hai thì cả nước Tàu cộng sản. Vậy sau Thế chiến Ba tất nhiên cả thế giới cộng sản!”

Ấy là chú cán bộ quên mất định luật cái gì đầy thì đổ. Ngày đó mâu thuẫn nội bộ cộng sản Nga-Hoa còn nhỏ.

Tôi cho rằng một trong những cái khôn ngoan đáng kể, một trong những tư tưởng trưởng thành đáng kể của người Á Đông là biết sáng suốt thực tế nhận định: “Cái gì đầy tất đổ!”

Khuôn mặt ông Hồ trên tờ Newsweek ngày 20-2-1967 này thật rõ như nổi lên, từng khoảng da hơi rám nắng, từng những nếp nhăn nhỏ, từng sợi râu rử xuống hay cong lên, từng màu thâm của gọng kiếng, từng màu trắng trong mà hơi đục của đôi mắt kiếng, cả khuôn mặt đăm chiêu của một cụ già Á Đông cổ kính đương đọc sách thánh hiền, vùng trán đẹp thuần hậu, chứ không phải “rộng mênh mông” như lũ văn nô hạ bút nịnh láo. Tôi nheo mắt lại, khuôn mặt cụ già Á Đông như nổi lên, tôi nhớ đến ngày nào còn nhỏ được ông ngoại bế lên ngồi lòng và tôi ngựa cổ ngắm ông ngoại, người cũng đeo kiếng trắng, người cũng có bộ râu Á Đông. Tôi lại nhớ khi lớn lên chút nữa, người đã dạy tôi vỡ lòng cuốn “Tam Tự Kinh”. Buổi sáng, người ngồi giữa phản ghế ngựa dạy học, cậu tôi hay mợ tôi bung thúc nhắm lên. Người vừa uống rượu vừa nhắm nhấp thúc nhắm vừa dạy chúng tôi học, tôi tự nhiên đôi quá không học được ngồi khóc. Tôi có nói gì đâu, thế mà người biết người gấp cho tôi miếng khẩu đuôi lợn.

Ông già Á Đông in trên tờ báo Newsweek này tiếc không phải hình ông ngoại tôi. Ông đang đâm chiêu đọc sách gì không biết, nhưng chắc chắn không phải sách thánh hiền; ông đang suy nghĩ gì không biết, chỉ biết ông đã khám phá ra khẩu hiệu tuyệt vời: “CÙNG CỐ MIỀN BẮC, CHIẾU CỐ MIỀN NAM!” Cùng cố miền Bắc có mồ hôi của đồng bào cần cù miền Bắc, điều đó tốt; còn chiêu cố miền Nam thì là máu và nước mắt của cả hai miền.

Cái bình quá đầy đã đổ! Không những bình đổ mà còn là cái bình bị rò nữa (rõ thật mâu thuẫn)! Ông hành hình và hành hạ những địa chủ trước đây đã nuôi kháng chiến, ông nguyên rửa giai cấp tiểu tư sản. Ông nghĩ rằng đã qua sông rồi thì có quyền đá vào đò và đâm b. vào sóng. Ông vẫn ngồi trên con đò dân tộc! Và tuy nói là dòng lịch sử nhưng thật ra là biển lịch sử, bởi vậy ông vẫn ngồi trên sóng. Ông đã ra khỏi sóng đầu! Và những người ông hành hạ và những người ông nguyên rửa đã biến thành kim cương, răng cộ sản không sao nhá được. Không nói ở miền Nam này làm gì, nói ngay ở miền Bắc, ông nhìn đám dân chúng quanh ông cần cù làm lụng, cần cù học tập, bảo sao nghe vậy, nhưng trong lòng họ, trong hồn họ, đã kết tụ thành chất rắn của kim cương cả rồi! Điều đó là một sự thật tất nhiên của lịch sử. Tôi nói cái bình của ông rò là thế. Với cả kinh nghiệm Điện Biên Phủ, với cả sự chuẩn bị chiêu cố miền Nam chu đáo, với cả một chiến thuật chiến lược phá hoại tinh vi, với cả một tinh thần giết chóc không gớm tay, mà miền chiêu cố lại đầy rẫy thối nát, thì miền Nam này chưa rụng đã rụng vào tay ông mới phải, mà sao lại thế này? Xin thưa cái bình của ông đã đổ và cái bình của ông đã rò...

Đừng nói vì có quân đội Đồng minh! Ông giết đồng bào miền Nam bằng súng Tiệp Khắc, bằng súng Nga, bằng súng Đông Đức, bằng súng Trung Cộng bằng mìn Trung Cộng, bằng thuốc nổ Trung Cộng, xin đừng nói vì có quân đội Đồng minh!

Nheo mắt lại nhìn bìa báo, khuôn mặt nổi lên linh động như người thật. Ôi, giá tôi được ngắm khuôn mặt của cha tôi, của mẹ tôi. Những ông chú bà bác tôi như những chiếc lá vàng rụng gần hết cả rồi. Còn cha tôi, còn mẹ tôi. Rồi cũng đến ngày chúng tôi nhận được tin lá vàng đã rụng.

Bà nội tôi mất đã lâu, nhưng đêm qua tôi mơ thấy bà tôi nằm hấp hối trên giường bệnh, thầy tôi ngồi cạnh bên đầu giường, mới phút trước bà tôi còn tỉnh, nhưng phút sau đôi mắt đã xuất tinh lạc. Thầy tôi nói với tôi: “Thế này thì chỉ còn đợi lúc bà đi hẳn thôi con ạ, chẳng còn cứu gỡ được nữa!” Thầy tôi khóc, tôi cũng khóc và tôi nghĩ thêm: “Phải đi báo chú Cư mới được!” Chú bá Cư gọi bà nội tôi bằng cô và chú kính bà nội tôi như mẹ. Nếp sống lễ giáo của chú luôn luôn là tấm gương sáng cho chúng tôi noi theo.

Di cư vào Nam được ít lâu tôi hay tin chú bị cô lập vì chú thuộc thành phần “cường hào ác bá” (trước đây chú làm lý trưởng và được ân thưởng cử phẩm bá hộ), chú bị bắt xuống ở căn bếp nhỏ. Rồi ít lâu sau nữa, tôi hay tin chú mất.

Ôi, khuôn mặt ông già trên tờ Newsweek thật sống động, ông đang đọc gì, ông đang nghĩ gì?



Tôi hãy còn nhớ một lá thư của đứa con gái hiếu hạnh của tôi viết về một tin làm nó thương cảm:

*“... Bố có biết không, chú Vận chồng cô Tình chết rồi. Chú ấy đi ca-nô với mấy người bạn bị Việt cộng để mình định hướng. Chú ấy bị gãy xương sống và lòi ruột. Nhưng có điều an ủi là có lính ở các binh chủng đi đưa đám chú ấy. Tôi nghiệp cô Tình, cô ấy có thai được ba tháng rồi đó bố...”*

Tình là cô em bên họ ngoại của tiểu gia đình tôi ở Saigon. Vận là học trò cũ của tôi. Ngày Vận chết là ngày sinh nhật của “Bác”. Vì chiến lược và chiến thuật được sử dụng trên căn bản “người cũng chỉ là phương tiện” nên “Bác” lợi dụng cả ngày sinh nhật của mình khích động thi đua lập chiến công, nghĩa là để đồng bào ngoài đó nô nức giết đồng trong này dâng chiến công lên “Bác”.

Kể cả thời thịnh nhất của Ngô Đình Diệm – tức là thời kiêu ngạo đốn mạt nhất của y – cũng chưa bao giờ Diệm dám nghĩ đến dùng ngày sinh nhật của mình làm cái cớ để khích động đồng bào giết đồng bào trong cuộc nội chiến ô nhục do khẩu hiệu “CÙNG CỐ MIỀN BẮC, CHIẾU CỐ MIỀN NAM” của “Bác” mà ra này. Không biết trên thế giới còn nơi nào có loại “cha già dân tộc” sử dụng ngày sinh nhật của mình như thế nữa không nhỉ?

Ít lâu sau bức thư của đứa con gái nhỏ, tôi được đọc bức thư của chú tôi.

*“Cháu thân mến,*

*Mỗi khi tới nhà thăm các cháu nhỏ chú thăm lại*

*tưởng nhớ tôi cháu hiện ở nơi xa. Thấy nói cháu vẫn được mạnh khỏe, chú thích lấy làm mừng. Chú có ghi địa chỉ của cháu nhưng dạo này đầu óc chú hơi rối nên cũng lười viết. Chồng em Tình bất hạnh mất rồi, thật là một sự não lòng! Gả chồng cho em, tưởng mong các em như chim có bạn, dẫu dất nhau qua cuộc đời khổ ải này cho tôi mãn chiều xế bóng, thật không ngờ nửa đường đứt gánh, cả một sự tang thương!...”*

Ồi, khuôn mặt ông già Á Đông trên tờ Newsweek, trông ông thật sống động, ông đang đọc gì, và nghĩ gì? Những đấng cứu thế của nhân loại như Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jesus chỉ mỗi năm có một ngày sinh nhật, lẽ nào ông có hai cho được!

Chúng ta hãy nên nhìn thẳng vào sự thật, đừng có khôi hài là khi giọng cờ mở trống “CÙNG CỐ MIỀN BẮC, CHIẾU CỐ MIỀN NAM” biến đất nước thành lò sát sinh cốt nhục tương tàn, thì bảo “không có tôi”, nhưng khi ân xá án này, ân giảm án nọ, thì do “ơn Hồ chủ tịch”.

Kể từ ngày ông phát động thực hiện khẩu hiệu “CÙNG CỐ MIỀN BẮC, CHIẾU CỐ MIỀN NAM”, cả hai miền đã có dư một triệu gia đình cha con, mẹ con, vợ chồng, anh em... âm dương đôi ngả như trên. Đã làm “cha già dân tộc” sao lại có thể thúc đẩy đàn con chém giết đồng bào vào cái ngày mình lọt lòng mẹ **cát tiếng khóc** chào đời? (Tôi phải in đậm ba chữ “cát tiếng khóc” vì cái cõi đời sầu thảm này.)

Một người đàn bà đáng thương làm đi nuôi thân, người đó vẫn cao quý khi ngày giỗ về lễ trước bàn thờ ông bà cha mẹ.

Nỡ nào làm đĩ miệng trước cả bàn thờ tổ quốc  
cho đành!

*(Xuân Đình Mùi, 1967)*

## PHỤC HỒI

Ta thường nói “Chó Má”, tiếng Má đây chẳng hề là tiếng đệm vô nghĩa như nhiều người lầm tưởng. Má cũng có nghĩa là chó. Cuốn Việt Nam Từ Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức khởi thảo có ghi từ ngữ này. Thuở đó tôi còn được nghe thêm một lời giải thích: Con chó nào mà mình vút xương chó ra, nó chạy tới người rồi bỏ không ăn, ấy là con chó; con nào gặm liền, bất kể đó là xương đồng loại, ấy là con Má. Vậy Má có nghĩa là một thứ chó ngu dại gặm cả xương đồng loại. Tôi còn nhớ lắm, sau khi nghe giải thích thế nào là Chó, thế nào là Má, tôi về thử ngay con chó Tô nhà tôi (thầy mẹ tôi đặt tên cho con chó đó là Tô) để xem nó là Chó hay là Má, bằng cách ném cho nó một miếng thịt và một khẩu xương chó. Nó chạy lại ve vẩy đuôi, cúi xuống hít hít mấy cái rồi bỏ miếng thịt và khúc xương trống trơn đấy, quay đi nơi khác. Tôi nhớ là khi thử như vậy lòng có hồi hộp và khi khám phá ra rằng con Tô nhà tôi thuộc loại Chó, tôi mừng lắm, có đôi chút hãnh diện nữa.

Ít năm sau cuộc toàn quốc kháng chiến bùng nổ (tháng chạp 1946), làng tôi ở ngay sát Hà Nội nên được

lệnh tiêu thổ kháng chiến sớm, và di cư. Khi ra đi chúng tôi không thể mang theo con Tô và con Miu nữa. Gia đình tôi tạm lánh sâu vào một vùng quê cách làng chừng mười cây số. Một buổi tối, tôi cùng vú già lên về làng để khuôn thêm vài thứ cần dùng nữa. Khởi hành từ sáu giờ chiều mãi tới chín giờ tối tôi và vú mới về đến làng. Làng chìm trong một bầu không khí hoang phế. Sự chết chóc làm cho người ta ghê rợn, nhưng sự hoang phế làm cho người ta ngậm ngùi và cảm thấy của báu vô song trên đời này là sự sống. Con người khi ra đi mang theo sự sống, đồ vật để lại, và cả cỏ cây mây nước bao trùm xung quanh nữa, đều đượm màu hoang phế, ngậm ngùi, tiếc nhớ. Chúng tôi đi qua cổng làng hoang phế, đi theo ngõ xóm hoang phế với ngôi sao chênh vênh trước mặt khi ẩn khi hiện sau lùm cau, lùm xoan, rặng tre, rặng dưới hoang phế. Đợt gió hoang phế nào như vừa thức giấc trườn mình trong cái lồng lộng chông chênh của bầu trời vắng lặng trong suốt.

Chúng tôi vào nhà. Nơi chôn rau cắt rốn của tôi đấy mà sao hoang vu. Cảm giác hoang vu nơi tôi giảm đi phần nào khi con Tô và con Miu xuất hiện. Chúng còn sống và chào mừng chúng tôi. Con Miu kêu meo meo khe khẽ như sợ có thể làm lộ mục tiêu cho quân Pháp ở một đồn cách đấy không xa, con Tô thì ve vẩy đuôi ngược nhìn chúng tôi lạng lẽ dưới ánh sao...

Thu xếp xong các thứ thật cần thiết cũng đã quá nửa đêm. Chúng tôi phải ra đi thôi. Làm sao chúng tôi có thể mang theo Tô và Miu cho được. Tôi bịn rịn ngồi lại ngoài đầu hiên, hơi ngả người trên nền gạch. Một đợt gió thấm lạnh, buồn bã như chọt làm nhòe khoảng không khuya khoát khi tôi vượt ve Tô một lần cuối



cùng, tôi ý thức được đây là lần cuối cùng; trong khi đó vú già cũng vuốt ve con Miu. Con Tô thì cúi đầu xuống, đuôi vẫy ngập ngừng, nó cũng biết đây là lần cuối cùng tôi vuốt ve nó; còn con Miu thì nằm dài ra, nửa lười lĩnh nửa nũng nịu.

Chúng tôi cúi đầu rảo bước khỏi cổng nhà... khỏi cổng làng... Khi leo lên con đê, gió bỗng mênh mênh lồng lộng. Cả hai chúng tôi cùng không ai quay đầu lại dù rất muốn. Vả lại dù có nhìn lại cũng chẳng thấy gì. Tất cả những điều muốn nhìn đều hiển hiện rất rõ ngay trong tâm hồn chúng tôi: Căn nhà thân yêu, con đường làng thân mật xưa kia và đặc biệt hai con vật, con Tô và con Miu, chúng tôi để lại. Chúng tôi ra đi theo con đường định mệnh của chúng tôi, của những người Việt với ý chí trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp mà bước đầu là tiêu thổ kháng chiến. Còn hai con vật ở lại (hay bị bỏ lại) cũng tiếp tục định mệnh của những con vật chắc chắn sẽ trở thành những con chó hoang, mèo hoang, vật vờ đói khát trước khi trở về lòng đất theo đúng định lý tối hậu của vạn vật trong vũ trụ: “Hữu hình tất hữu hoại.”

Sau này khi cuộc kháng chiến thần thánh bị Hồ Chí Minh và tập đoàn cộng sản của ông ta phản bội, mỗi lần tôi cất lời ai oán hay căm hờn nguyên rủa chúng, trong hồn tôi luôn luôn mang nặng thêm nỗi u sầu của linh hồn hai con vật Tô và Miu bị bỏ rơi.

Đã nói kháng chiến là mặc nhiên kháng chiến cho dân tộc, khi đã phản bội dân tộc, kháng chiến mặc nhiên thất bại, hơn thế nữa, kháng chiến mặc nhiên hết ý nghĩa và không còn. Điều mỉa mai và nghịch lý – đất

nước này từ đây luôn luôn bị đẩy ả trong nghịch lý – là sự thất bại đó bắt đầu thể hiện trong mọi nghi thức huy hoàng của chiến thắng Điện Biên. Tôi đã thất bại trên con đường định mệnh của tôi – ít nhất là vào lúc này – con đường theo Hồ Chí Minh nói là kháng chiến; nhưng hai con vật của gia đình tôi, con Tô và con Miu, đã đi trọn đường định mệnh của chúng: biến thành kiếp chó hoang, mèo hoang rồi chết đập vùi đầu đó.



Ồ hay, tôi vẫn tự hỏi sao chúng mình quá bất công với loài chó đến thế: ngu như chó, chó đâu có ngu, hoàn toàn ngược lại nữa; bản như chó, làm như các súc vật khác ngoài chó đều sạch lắm. Thậm chí có người nói vắn tắt: “Thằng ấy chó thật!” Có nghĩa là thằng ấy đều thật. Chó ở đây hoàn toàn tượng trưng cho thói đều giả của con người. Vu khống đến thế là cùng!

Cổ nhân công minh hơn chúng ta ngày nay. Cổ nhân ta có hai bài ngụ ngôn viết bằng chữ Hán, văn xuôi, khuyết danh, đều đề cao vai trò của chó. Một bài là “Truyện con gà, con mèo, và con chó” ý cho là văn cũng không kém gì vũ nên nói: mèo có công bắt chuột, thì chó có công giữ trộm, gà có công dậy sớm đánh thức con nhà chủ để dùi mài kinh sử cho thành tài. Bài thứ hai cổ nhân ta khinh bỉ lợn và vấn đề cao chó, đó là bài “Truyện súc vật hội nghị”. Trâu hội cả gà, chó, mèo và lợn lại mà bảo: “Anh gà kia thức thời thì cho chiêm nghiệm thời tiết; chú chó kia mạnh bạo thì cho giữ nhà; chú mèo nọ tài bắt chuột thì cho giữ thóc; còn tên lợn này chỉ biết ăn no ngủ kỹ thì chờ cho béo tốt làm thịt.” Lợn kháng nghị không chịu. Trâu rằng: “Biết sớm muộn, mi không bằng gà; giữ kho, không bằng mèo; coi

trộm, không bằng chó; lại ăn hại như thế, không mở để làm gì?” Lợn hỏi lại: “Thế còn ông thì sao?” Trâu đáp ngay: “Ta hết sức cày ruộng để nuôi chúng bay!” Nhưng bao trùm lên hết những chuyện này, chúng ta không thể không nhắc đến cây thành ngữ đồng hóa người với chó trong một nỗi niềm cực kỳ cả động: “Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo!” Quả thực loài chó trung thành và trung hậu như thế thật. Người đời nay có lẽ bị vong thân nhiều, nên ngôn ngữ cũng bị vong chất lầy, rồi đâm ra nói liêu nói lĩnh, bất cứ cái gì không hay cũng thuận miệng gán cho chó!

Vấn đề này Tây phương họ cũng chính xác hơn. Nếu là đều họ nói rõ là chó sói: *Les Loups entre eux*. Ngoài ra họ đồng hóa đời chó với đời người cực nhọc: *Une vie de chien - A dog's life*. Thực ra đời con trâu ở Đông phương và con ngựa ở Tây phương xét ra cực nhọc hơn chó chứ; tuy nhiên thà cứ nói thế đi còn không oan ức.

Đợt gió ẩm lạnh làm nhòe không gian khuya khoắt, tôi vượt ve con Tô một lần cuối cùng; nó cúi đầu xuống, đuôi vẩy ngập ngừng, nó cũng biết đây là lần cuối cùng tôi vượt ve nó. Tôi đã thất bại trên con đường định mệnh của tôi, nhưng Tô, Miu đã đi trọn đường định mệnh của chúng.

Hình ảnh Tô, Miu từ ngày đó ám ảnh tôi hoài. Tôi thắc mắc khó chịu về những thành ngữ vu khoát của thế nhân về chó. Tôi muốn phục hồi danh dự loài chó. Tôi thương chó hay tôi thương tôi?



Tôi tới thăm thành phố Nữ Ước tới bốn năm lần. Chính ở Nữ Ước tôi mới khám phá thấy một khía

cạnh nhân bản mà chó mang lại cho nếp sống cá nhân của văn hóa Tây phương. Theo nếp sống này con cái tới tuổi trưởng thành thì thoát ly cha mẹ, thoát ly tổ ấm gia đình. Phải sống ở căn phòng khép cửa lại thành một thế giới riêng biệt của nếp sống cá nhân Tây phương mới thấy hết cái cô đơn của con người. Nếu là tuổi trẻ thì ban ngày làm việc cho mệt mỏi, đêm về ngủ vùi, rồi cuối tuần hẹn hò nhau, tìm hơi ấm ở hai thể xác ôm ấp. Lối thoát tuyệt vời dĩ nhiên là như vậy. Vui thú với nhau suốt đêm, sáng sớm nàng (hay chàng) đi ra, xòe một que diêm, bập một hơi thuốc lá, đầu hơi cuối xuống, rảo cẳng. Người ở lại phải có một sinh vật nào làm bạn chứ. Chó! Đôi khi khi mèo! Tại các siêu thị - *super market* - song song với thức ăn của người là thức ăn của chó và mèo. Những khay cát - *sand box* - dùng cho chó và mèo bài tiết bán đầy dẫy. Tuổi trẻ mà còn cầu cứu đến chó và mèo chung sống để bớt cô đơn như vậy, hướng chi là tuổi trung niên, tuổi già. Ngay lần đầu tới Nữ Ước, tôi tới thăm người bạn ở đường 48 Đông, gần trụ sở Liên Hiệp Quốc. Đó là một cao ốc cỡ thấp của Nữ Ước khoảng hai chục tầng. Một căn phòng là một cá nhân. Tôi muốn nhấn mạnh một cá nhân đơn độc nếu không kể con chó - phần nhiều là chó - hoặc con mèo.

Sớm sớm - lời bạn tôi kể - tôi nằm trong này chỉ nghe tiếng bước chân của người và vật cũng biết được đây là bước chân cụ William với con chó thấp lùn, hai tai to buông rủ loại *Basset* của cụ, hoặc đó là bước chân khập khiễng của cụ bà Keller với con chó lông xù xinh xắn loại *Pékinois* của cụ, hoặc bước chân kèm theo tiếng gậy chống lộc cộc như vậy đích thị của ông Morris trạc ngũ tuần đang dắt con chó *Bouledogue* của ông... Ngày

nào cũng một lần họ cho chó đi tản bộ với họ như vậy, chừng một hai giờ sau thì về.

Hôm đó theo bạn ra chơi công viên Liên Hiệp Quốc, tôi gặp đủ các tuổi cỡ trung niên và lão niên của cả hai phái nam và nữ. Mỗi người dắt theo một con chó, thôi thì đủ loại: *Épagneul, Basset, Pékinois, Fox, Cocker, Caniche...* Họ dắt chó, hay đúng hơn chó dắt họ, tản bộ đây đó, khuôn mặt đắm chiêu với ý nghĩ riêng tư của mình. Đôi khi họ dừng lại vì con chó của họ dừng lại để làm quen với con chó của một người tản bộ khác. Chợt dừng lại như vậy họ như bừng khởi giấc mơ nào đó, khi thấy hai con chó làm quen với nhau lẽ nào người không làm quen với nhau sao tiện, thế là họ trao đổi đôi lời xã giao thường lệ. Cho đến khi hai con chó chán nhau kéo họ theo mỗi người một ngã. Nói làm sao hết công đức của chó tham dự vào những nếp sống cô đơn đó!

Tôi thương con Tô của gia đình tôi. Giá như cuộc kháng chiến giữ được niềm chung thủy của nó. Giá như Hồ Chí Minh không phản bội dân tộc này cho chủ nghĩa của y chắc chắn định mệnh kiếp chó hoang bất đắc dĩ của con Tô không ám ảnh tôi nào nề đến thế.



Một giáo sư sử học người Đại Hàn ở Đại học Ohio đã phê bình chính sách Mỹ tại Việt Nam: “Cái nhảm của Mỹ là luôn luôn đi với một thiểu số hư đốn, hủ hóa ghê lở của Việt Nam với hy vọng dùng thiểu số đó ngự trị đa số dân Việt.”

Tôi nhớ thêm câu này, hình như của tướng De Gaulle thì phải:

“Chính sách Mỹ không ưa hợp tác như bạn với bạn mà ưa hợp tác như chủ với đầy tớ.”

Tôi biết người dân Mỹ thường nhả nhận lịch thiệp, hiếu khách. Nhưng từ người dân Mỹ đến chính sách Mỹ là hai thực thể khác biệt hẳn. Con người Mỹ khi đi vào chính sách Mỹ đã bị lọc hết phần nhân bản rồi còn đâu, họ chỉ còn là những bộ máy thừa hành những gì đã được hoạch định bởi đủ các bộ tham mưu của đủ các ngành tại Tòa Bạch ốc. Nếu còn dùng ý thức đi chăng nữa, thì ý thức đó cũng chỉ như ngọn đèn đủ soi sáng cho mình đọc thấy những đáp số trên máy điện tử.

Tuy nhiên điều đó chẳng có gì là đáng trách. Chính sách quốc gia nào, dù sáng suốt và quảng đại đến mấy thì cũng làm sao thủ lợi về mình càng nhiều càng hay. Trường hợp nhà lãnh đạo đôi bên đều sáng suốt cho quốc gia mình thì đôi bên nương vào nhau mà tiến như Đức, Nhật cùng tiến với Mỹ. Trường hợp ngược lại thì đúng như De Gaulle nói “Kẻ này làm đầy tớ cho kẻ kia”, sự kiện đó không chỉ ngừng ở đấy, mà còn tiếp diễn ở tiền công trả cho đầy tớ càng rẻ càng hay.

Cũng là sự tình cờ một anh bạn làng văn đến thăm tôi vào dịp này và hai chúng tôi cùng ngồi nói chuyện suốt buổi trưa, thỉnh thoảng tợp một ngụm *la-de* hãm với khói thuốc Pall Mall phì phèo.

Bạn tôi nói người Mỹ tới đây nghiên cứu đủ, xen vào đủ chính trị, kinh tế... nhưng văn hóa thì không. Giao thiệp với người Việt trong bao năm mà người Mỹ không nhận ra một sự kiện là ngay trong những tập san khoa học thuần túy mà cũng không vắng bóng thi ca và những bài thơ đó ký tên những kỹ sư, những bác sĩ...

Anh bạn tôi muốn nói đến thái độ văn hóa nặng tinh thần văn học, hay đúng hơn một cái gì thuần túy kết tinh của văn học. Tôi nghĩ thật ra người Mỹ họ đâu có khờ khạo đến nỗi quên mất khía cạnh văn hóa Việt Nam mà không tìm cách chi phối. Có điều tinh thần văn hóa của mình tự ngàn xưa vẫn là mềm dẻo luôn luôn hòa nhi bất đồng, bởi vậy mọi tham vọng xâm nhập vào nền văn hóa đó để sử dụng như sử dụng nhân công ở mọi ngành chẳng khác kẻ vục tay vào chậu nước hồng vớt ánh trăng.

Cùng cái ý về sức mạnh văn hóa đó tôi muốn diễn đạt bằng sức mạnh tinh thần của người Việt đã từ bao nhiêu năm nay – đặc biệt từ ngày Hồ Chí Minh ra mặt phản bội kháng chiến – chỉ biết có nói “Không” với đối phương. Chân tay họ bị trói hết và họ khước từ bằng tiếng “Không” bất biến và duy nhất. Đôi mắt tham sân si của đối phương làm sao có đủ năng lực sử tính để hiểu sức mạnh khước từ của người Việt khi nói “Không” dọc theo dòng lịch sử. Họ không hiểu rằng khi người Việt nói “Không” đồng thời sức mạnh ý chí, sức mạnh tinh thần của những con người bị trói chặt cả chân lẫn tay đó không ngừng cây ruồng khoảng đất đứng của họ.

Hãy kiểm điểm mấy sự kiện lịch sử khoảng thời gian gần đây thôi.

Suốt tám mươi năm Pháp thuộc, người Việt ở thế yếu phải giữ bề ngoài phục tùng tiêu cực. Kẻ bá đạo khi thả sức bá đạo chẳng khác tên sát nhân càng say máu càng lộ hết những đường nét ti tiện, trong khi kẻ phục tùng tiêu cực càng gập mình bên ngoài thì bao sức mạnh tinh thần càng gom lại rục rỡ và sắc gọn bên trong, và

lưỡi cày kim cương tinh thần liên tục... liên tục xoi mòn thành từng luống rãnh, rồi thành từng con sông ngầm ngay dưới khoảng đất đứng của bạo quyền mà chúng không hay. Sau cùng khi tất cả đã ruồng hết, chỉ còn những sợi dây đàn, nhưng sợi dây tâm tình, căng thẳng bên dưới giữ cho bề mặt đất đứng được phẳng phiu. Tới lúc đó thì chỉ cần một tiếng nói hợp với cảm xúc tiềm năng dân tộc là những dây tâm tình rung lên một nhịp theo luật đồng thanh tương ứng và cả lâu đài bạo quyền sụp đổ, tự chôn vùi dưới hố sâu ngay dưới chân chúng.

Hồ Chí Minh đã nói được tiếng nói tâm tình đó năm 1954. Dân tộc thần thánh này trao cho ông Điện Biên, với cả hậu thuẫn của chiếc ghế bành thế giới Cộng sản đằng sau, Hồ Chí Minh tung quân vào thôn tính nốt miền Nam. Dân tộc đã nói “Không”. Chiếc cày kim cương tinh thần đã cày ruồng đất đứng của ông ta.

“Hãy cho tôi một điểm tựa, tôi có thể bẫy được cả trái đất!” Đó là lời một nhà khoa học. Điểm tựa đó với nhà chính trị là dân tộc. Hồ Chí Minh bỏ dân tộc, làm được cái gì? Hãy nhắc đến trong trận chiến 6 ngày, tướng độc nhãn Moshé Dayan của Do Thái biết trước Ả Rập sẽ cho công bố những tin thắng lợi quá lớn, nên tương kế tựu kế ông ra lệnh cấm không một bản tin nào được truyền đi. Người Ai Cập mặc sức vơ vào mình những chiến thắng vĩ đại, thành thủ, trùm xảo quyết đến như Nga Xô cũng mắc lõm, ngừng hẳn mọi toan tính tại Liên Hiệp Quốc để ngăn cuộc chiến lại. Khi Nga Xô biết được sự thực, vội vàng đòi đòi bên đình chiến thì đã quá muộn, không còn cách nào cứu vãn được các đạo binh Ai Cập nữa.



Trở lại câu hỏi: “Hồ Chí Minh bỏ điểm tựa dân tộc làm được cái gì?” Xua đoàn người đã bị huyền hoặc, phản ứng có điều kiện vào Nam làm mồi cho B.52 cả tiểu đoàn, cả trung đoàn, cả sư đoàn. Người Mỹ truyền thống *Anglo-Saxon* trầm lặng và thâm hiểm để mặc cho đối phương tuyên bố những chiến thắng vĩ đại, nương vào đó thả nhẹ lời thú nhận B.52 đã thất bại, toàn đội bom vào khoảng rừng núi không người. Cơ quan tuyên truyền của Hồ vô lấy lời tuyên bố đó như ếch vô hoa, nhấn mạnh thêm, phóng đại ra. Chính cơ quan tuyên truyền Cộng sản của Hồ Chí Minh đã rửa bàn tay máu cho người Mỹ. Sau này Võ Nguyên Giáp đành phải thú thật với nữ phóng viên người Ý Fallaci là y đã mất nửa triệu người rồi. Con số thực là bao nhiêu? Gấp đôi là ít!

Sau khi dân tộc đã bị Hồ Chí Minh lừa, Ngô Đình Diệm là một trường hợp hãn hữu được dân tộc trao trọn vẹn cho niềm tin trước khi tự chứng minh bằng hành động. Diệm không biết hưởng điểm phúc đó. Quyền hành đã nắm trọn và chia cho anh em trong nhà. Kinh tế quốc gia đã nắm trọn và ban tài phát lộc cho gia nô. Nghĩ rằng như vậy thì Tần Thủy Hoàng từ nhất thế đến vạn thế là điều chắc rồi còn gì. Nhưng dân tộc đã nói “Không”, và lưỡi cày kim cương đã cày ruộng đất đứng của y rồi còn đâu. Bảo là người Mỹ giết Diệm. Không! Diệm đã chết trong lòng dân tộc từ lâu. Mỹ chỉ đến lượm cái xác sống của y.

Với dân tộc có mãnh lực nói “Không” như vậy, kẻ cầm đầu nghĩ theo dân tộc thì được, nghĩ hộ dân tộc sao được!

Phe Tư bản muốn người Việt chống Cộng sản như một gia nô. – “Không!”

Phe Cộng sản muốn người Việt chống Tư bản cho tư thế bất nhân của họ. – “Không!”

Tư bản bảo: “Tao biết chúng mày không đội trời chung được với Cộng sản mà!”

Cộng sản nham hiểm bảo: “Vậy thời chúng bay tiếp tục chết!”

Định mệnh người Việt Nam như vậy đó. Tưởng muốn được là người Việt Nam để làm sao. Ngay như ngày giỗ Tổ Hùng Vương cũng đã được tổ chức thay ngày Quốc khánh đâu.

Dân tộc có mặt ở mọi nơi để nhận diện lửa và khói. Nhóm nào là của Cộng sản Nga; nhóm nào là của Cộng sản Tàu; nhóm nào là của *Deuxième Bureau* Pháp. Rồi với sự thỏa hiệp của Mỹ sẽ còn nhóm nào là của đảng Hắc Long (CIA Nhật) nữa chứ.

Tưởng làm người Việt Nam để làm sao?

Dân tộc này dù bị trói chân trói tay nhưng với tiếng “Không” làm lợi khí sẽ bình tĩnh đi trọn con đường định mệnh của mình. Sớm hay muộn! Sớm không nói làm gì. Muộn ư? Khi đó tôi đã về với tiên tổ, linh hồn tôi sẽ gặp linh hồn con Tô và con Miu tại ngay căn nhà nơi chôn rau cắt rốn. Tôi sẽ vuốt ve hai con vật và nhìn đàn con cháu của tôi.

Chúng đều là người Việt!

*(Xuân Canh Tuất – 1968)*

THAY LỜI BẮT



Hình như cái gì cũng mát hút lên các nóc cao, lên các ngọn cây lười gió. Bụi trắng ngược nhìn cây xanh, chim hót để xóa nhòa giới tuyến giữa thành thị với lâm tuyền. Tiếng chim còn vang vọng trong không khí nồng nàn khi ánh nắng cuối cùng vừa tắt. Tiếng chim còn vang vọng khi chiều đã đi sâu vào khuya khoắt. Tiếng chim trở thành bất diệt, có đây mà không đấy, như sao trời tự xóa nhòa ban ngày và tự lấp lánh ban đêm.

Có thể mắt chỉ bắt chọt có một vì sao mà là thưởng thức được cả trời sao; tai chỉ bắt chọt nghe có một tiếng chim mà là chụp ghi được cả muôn giọng chim vào lúc chiều vừa xẩm tím.

Có lúc muốn đẩy hồn mình về một vùng Trăng dĩ vãng, nghĩ đến chuyện dừng chân

bên quán đỉnh đèo, ngắm hàng giậu bìm leo hoa tím, ngắm vườn cải hoa vàng xuân muộn, đi vào nắng thu mong manh, ngửi mùa đất màu ngai ngái, nhìn vào một sân rêu, cúi xuống soi mình trên một mặt gương đáy giếng, uống chén trà trong hương sớm ban mai, đi vào biển đồng xanh gió gợn, dầm lên muôn vàn hạt sương đọng của ban chiều khi lá hồ người đã khép mình hiu hiu theo gió.



Một búp gió thoảng tới như có mang theo hương cau lẫn với hương bưởi. Búp gió tựa như có làm nhòa không gian đi, biến không gian thành huyền ảo ánh trăng, lồng lộng mây trời, âm u núi rừng Việt Bắc, và hùng vĩ thác ngàn cao nguyên. Tâm hồn bỗng căng trải thành muôn vàn dây tơ vi diệu, những dây tơ có thể rung lên thành âm thanh nhưng cũng có thể hoa lên thành màu sắc và nhòa vào tâm linh thành những lăng kính suy tư.

Có tiếng ca vang vọng đầu dây, tiếng ca đơn độc. Tôi không chú ý là tiếng ca hay hay dở mà chỉ chú ý đến vẻ đơn độc của lời ca. Tôi muốn đốn ngay một cây bạch đàn, gọt nhanh thành chiếc đàn, căng lẹ vài sợi tơ để gảy lên mấy tiếng đàn cho giọng ca của ai kia không còn đơn độc. Âm thanh đường tơ rung trên thớ cây bạch đàn sẽ đẩy giọng ca vút lên trăng sao vô vàn, đi sâu vào vũ trụ

hun hút u minh, rồi chợt tới lúc nào đó âm thanh gây vụn thành bụi để được yên nghỉ đời đời, nằm đó thành mầm ươm của hỗn mang, vô năng trong yên nghỉ mà vạn năng trong tái sinh.





## TIỂU SỬ | DOÃN QUỐC SỸ

Tên thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày Mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng: *“Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp.”* Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sĩ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là *“Thất Tinh”*. Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn Miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển “ĐI” được ký với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

## TÁC PHẨM | DOÃN QUỐC SỸ

- SỢ LỬA (Truyện cổ tích, 1956)  
U HOÀI (Truyện ngắn, 1957)  
GÁNH XIẾC (Truyện ngắn, 1958)  
GÌN VÀNG GIỮ NGỌC (Truyện ngắn, 1959)  
DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (Truyện dài, 1959)  
KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT (1959)  
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRỨ (1959)  
KHẢO LUẬN VỀ ĐOÀN TRƯỜNG TÂN THANH (1959)  
KHẢO LUẬN VỀ TÂN ĐẠ (1960)  
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN (1960)  
KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG (1960)  
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN (Khảo luận, 1960)  
HỒ THUY ĐƯƠNG (Truyện cổ tích, 1960)  
BA SINH HƯƠNG LỬA (Khu Rừng Lau I, 1962)  
NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VÍ TUYẾN (Khu Rừng Lau II, 1964)  
TÌNH YÊU THÁNH HÓA (Khu Rừng Lau III, 1965)  
NHỮNG NGÀ SÔNG (Khu Rừng Lau IV, 1966)  
TRÁI CÂY ĐAU KHỔ (Kịch, 1963)  
KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM (1964)  
NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU (Khảo luận, 1965)  
CÁNH TÂY NỔI DÀI (Truyện ngắn, 1966)  
ĐÓT BIÊN GIỚI (Truyện dài, 1966)  
CA DAO NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)  
TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)  
THẦN THOẠI AN ĐỘ (Biên khảo, 1969)  
NGŨ NGÔN (Biên khảo, 1969)  
VÀO THIÊN (Tùy bút, 1970)  
SÀU MÂY (Truyện dài, 1970)  
CON CÁ MẮC CẠN (Truyện ngắn, 1971)  
TRÁI ĐẮNG TRƯỜNG SINH (Truyện ngắn, 1971)  
CÚI ĐẦU (Tân truyện, 1972)  
THẦN THOẠI NHẬT BẢN, CHÂU ĐẠI DƯƠNG, HY LẠP, BẮC ÂU (Biên khảo, 1972)  
THẦN THOẠI VIỆT NAM-TRUNG HOA (Biên khảo, 1972)  
VĂN HỌC VÀ TIỂU THUYẾT (Biên khảo, 1972)  
CON KỶ LÂN CUỐI CÙNG (Truyện dịch, The Last Unicorn của Peter S. Beagle, 1973)  
ĐI (Truyện dài, 1982)  
MÌNH LẠI SOI MÌNH (Truyện dài, 1995)  
NGƯỜI VÁI TỬ PHƯƠNG (Truyện dài, 1995)  
DẤU CHÂN CÁT XÓA (Truyện dài, 1995)  
CỎ ĐÙM (Truyện dài, 1997)





In tại XpressPrint, California, Hoa Kỳ

2 0 1 7